

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

TP. Hồ Chí Minh, năm 2021

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1.1. Mô tả chương trình đào tạo.....	1
1.1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	1
1.1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	1
1.2. Chương trình đào tạo tham khảo khi xây dựng	2
1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh.....	3
1.4. Hình thức đào tạo.....	3
1.5. Điều kiện tốt nghiệp.....	3
2. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
2.1. Mục tiêu đào tạo (POs)	4
2.1.1. Mục tiêu chung:.....	4
2.1.2. Mục tiêu cụ thể:.....	4
2.2. Chuẩn đầu ra	4
2.2.1. Kiến thức	4
2.2.2. Kỹ năng	5
2.2.3. Thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm	5
3. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	6
3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu	6
3.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình	40
4. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, HỌC TẬP.....	42
4.1. Chuẩn bị của giảng viên.....	43
4.2. Các phương pháp giảng dạy - học tập	43
5. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	46
5.1. Cấu trúc chương trình dạy học.....	46
5.2. Ma trận quan hệ giữa các khối kiến thức và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ELOs).....	47
5.3. Danh sách các học phần trong chương trình đào tạo	47
5.4. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ELOs).....	50
5.5. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ.....	53
5.6. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo	56
5.7. Danh sách và mô tả học phần	57
5.8. So sánh chương trình đào tạo.....	62
5.9. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	63

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2021

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mô tả chương trình đào tạo

1.1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh cung cấp một hệ thống các tri thức về lý luận, phương pháp và phương pháp luận trong quản lý đất đai. Bao gồm các tri thức về các quy luật tự nhiên và kinh tế - xã hội chi phối hoạt động sử dụng đất đai làm nền tảng tư duy lý luận về các nội dung và giải pháp thực hiện trong quản lý đất đai. Các kiến thức về hệ thống quản lý đất đai, bao gồm các nội dung phân hệ chính như quy hoạch sử dụng đất đai, pháp luật đất đai, đăng ký và thống kê đất đai, đánh giá đất đai, hệ thống thông tin đất đai, định giá và kinh tế đất đai.

Ngoài các kiến thức chuyên môn chương trình đào tạo còn cung cấp các kỹ năng nghiên cứu và vận dụng tri thức vào giải quyết vấn đề thực tiễn, nghiệp vụ, giao tiếp, tổ chức và quản lý công việc trong quá trình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng cho người học một thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, có ý thức trách nhiệm cao với công việc được giao và có tinh thần trách nhiệm phục vụ cộng đồng, có tính trung thực trong khoa học và có ý thức tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

1.1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình: - Tiếng Việt - Tiếng Anh	- Quản lý đất đai - Land Administration
2. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ ứng dụng
3. Ngành đào tạo	Quản lý đất đai

4. Mã số	8850103
5. Thời gian đào tạo	2 năm
6.Trường cấp bằng	Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh
7.Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: - Tiếng Việt - Tiếng Anh	- Bằng Thạc sỹ - The degree of Master
8. Khoa quản lý	Quản lý đất đai
9. Điều kiện tốt nghiệp	Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo ngành học trong thời gian quy định cho khóa học và thỏa mãn các yêu cầu về kết quả học tập và các điều kiện khác theo Quy chế đào tạo thạc sỹ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh. Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
10. Học tập nâng cao trình độ	Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sỹ và tiến sỹ trong và ngoài nước
11. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng .../2021

1.2. Chương trình đào tạo tham khảo khi xây dựng

- Chương trình khung đào tạo thạc sỹ của các trường đại học khác cùng đào tạo ngành quản lý đất đai và các ngành có liên quan như:

- + Chương trình đào tạo thạc sỹ Quản lý đất đai Học Viện Nông Nghiệp Hà Nội;
- + Chương trình đào tạo thạc sỹ Quản lý đất đai Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;
- + Chương trình đào tạo thạc sỹ Quản lý đất đai Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM;
- + Chương trình đào tạo thạc sỹ Quản lý đất đai Trường Đại học Quản lý đất đai LB Nga (GUZ).

1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả các học viên đã tốt nghiệp đại học ở trong và ngoài nước có nhu cầu học và nghiên cứu ở trình độ cao hơn ngành Quản lý đất đai.

- Tiêu chí tuyển sinh:

Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải có các điều kiện sau đây:

+ *Về văn bằng:*

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành gần loại trung bình trở lên với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định.

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định loại khá trở lên.

c) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

+ *Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:*

a) Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần với ngành dự thi được đăng ký dự thi tuyển sinh ngay sau khi có bằng tốt nghiệp đại học.

b) Trường hợp người có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự thi vào ngành Quản lý đất đai thì phải có tối thiểu 2 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

+ *Lý lịch bản thân rõ ràng*, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

+ *Có đủ sức khỏe để học tập*: Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học. Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tuỳ tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học.

+ *Nộp hồ sơ và các lệ phí đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.*

1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.5. Điều kiện tốt nghiệp

Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo ngành học trong thời gian quy định cho khóa học và thỏa mãn các yêu cầu về kết quả học tập và các điều kiện khác theo Quy chế đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu đào tạo (POs)

2.1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo trình độ thạc sỹ ứng dụng đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao trong công tác quản lý đất đai của các địa phương.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai trình độ thạc sỹ nhằm trang bị cho học viên:

+ PO1: Đào tạo thạc sỹ ứng dụng có Tư duy phức hợp và Khả năng hoà nhập vào thực tế, vận dụng linh hoạt Kiến thức chuyên môn và sử dụng Kỹ năng nghiệp vụ để giải quyết một cách tổng thể các nội dung kỹ thuật - công nghệ, kinh tế, quy hoạch và hành chính trong các hoạt động quản lý đất đai.

+ PO2: Các học phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc củng cố cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao tư duy hệ thống về ngành Quản lý đất đai.

+ PO3: Mỗi học phần kiến thức chuyên ngành cung cấp các kiến thức chuyên sâu về lý luận, thực trạng và giải pháp thực hiện hoặc hoàn thiện một trong các nội dung quản lý đất đai.

+ PO4: Các học phần kiến thức chuyên ngành tự chọn được tập hợp thành từng nhóm kiến thức phù hợp với lĩnh vực chuyên trách của học viên, cung cấp cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn cho việc thực hiện luận văn tốt nghiệp theo đề tài được lựa chọn từ các vấn đề thực tiễn của địa phương.

2.2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai trình độ thạc sỹ, học viên có thể:

2.2.1. Kiến thức

+ ELO1: Tư duy lý luận: Phát triển được khả năng tư duy lý luận theo logic tương ứng với hệ quy chiếu của thế giới quan và nhân sinh quan phù hợp với nền văn hoá ứng xử trong xã hội và định hướng chính trị của nhà nước.

+ ELO2: Lý thuyết: Lĩnh hội được các kiến thức liên ngành và chuyên ngành trong quản lý đất đai, các kiến thức về phương pháp luận và phương pháp trong hoạt động nghề nghiệp và hoạt động nghiên cứu quản lý đất đai.

+ ELO3: Thực tiễn: Nắm bắt được thực trạng sử dụng và quản lý đất đai trong thực tiễn tại các địa phương.

+ ELO4: Ứng dụng: Biết được các giải pháp hoàn thiện phương pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn bằng việc vận dụng các kiến thức về phương pháp luận quản lý đất đai và bằng tư duy logic tương ứng với thể giới quan và nhân sinh quan của cộng đồng và xã hội.

2.2.2. Kỹ năng

+ ELO5: Tư duy logic: Sử dụng thành thạo các phương pháp tư duy của logic hình thức, logic biện chứng và logic hợp trội trong lập luận.

+ ELO6: Nhận diện vấn đề: Phát hiện được các vấn đề từ kết quả thực hiện các nội dung quản lý đất đai, vấn đề về phương pháp quản lý đất đai.

+ ELO7: Giải quyết vấn đề: Vận dụng được các phương pháp tư duy logic và các phương pháp quản lý đất đai vào việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

+ ELO8: Công nghệ thông tin: Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành trong thực hiện các nội dung quản lý đất đai, trong đánh giá phát hiện các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

+ ELO9: Ngoại ngữ: Đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, TOEIC đạt các điểm theo quy định.

2.2.3. Thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm

+ ELO10: Thái độ hợp tác: Có thái độ hợp tác tốt với mọi người trong làm việc nhóm, giám sát và hỗ trợ lẫn nhau trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ ELO11: Ý thức tự chủ: Đánh giá được những khó khăn khi thực hiện và tác động xã hội của kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ ELO12: Tinh thần trách nhiệm: Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn có trách nhiệm cao.

2.2.4. Khả năng đáp ứng nhu cầu kinh tế – xã hội, hội nhập quốc tế của học viên sau khi tốt nghiệp

+ ELO13: Đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm tại các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, các viện nghiên cứu và trường đại học đào tạo quản lý đất đai và các ngành liên quan khác.

+ ELO14: Phù hợp với công việc tại các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến đất đai.

+ ELO 15: Có khả năng phối hợp với các tổ chức quốc tế thực hiện các dự án liên quan đến quản lý đất đai tại Việt Nam.

Bảng 2.1. Ma trận mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ELOs)

CDR	Mục tiêu đào tạo			
	PO1	PO2	PO3	PO4
ELO1	H	H	H	H
ELO2	H	H	H	H
ELO3	H	H	H	H
ELO4	H	H	H	H
ELO5	H	H	H	H
ELO6	H	H	H	H
ELO7	H	H	H	H
ELO8	H	H	H	H
ELO9	L	L	L	L
ELO10	H	M	M	M
ELO11	H	H	H	H
ELO12	H	M	M	M
ELO13	H	H	H	H
ELO14	H	H	H	H
ELO15	H	H	H	H

(H: High – Đóng góp cao, M: Medium – Đóng góp trung bình, L: Low – Đóng góp thấp)

3. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM đã đầu tư hệ thống cơ sở vật chất hiện đại đảm bảo môi trường học tập, nghiên cứu và thư giãn cho người học. Hệ thống cơ sở vật chất chính phục vụ cho chương trình bao gồm:

- 64 phòng học, thuộc 3 cơ sở (2 cơ sở tại nội thành và 1 cơ sở tại Đồng Nai), với tổng số hơn 4.000 chỗ.

- Phòng được trang bị bàn ghế, bảng chống lóa, máy chiếu, hệ thống âm thanh, micro không dây.

- Phòng Lab, phòng đa năng, phòng học ngoại ngữ được trang bị máy lạnh, máy chiếu, thiết bị học ngoại ngữ, máy tính,...

- 1 sân bóng chuyên.

- 1 cửa hàng văn phòng phẩm.
- 1 căn tin phục vụ ăn uống và giải lao.

b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Bảng 3.1 Trang thiết bị phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước/năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Ghi chú
I. Thiết bị trắc địa bản đồ					
1	Bộ định vị GPS Leica SR20 (3 C)	2011	3	Hệ thống định vị toàn cầu và ứng dụng	
2	Định vị GPS MAP 76CSX	2011	2	Hệ thống định vị toàn cầu và ứng dụng	
II. Thiết bị Khảo thí					
1	Máy chủ Dell	2013	1	Tất cả các môn	
2	Máy điều hòa không khí	2013	2	Tất cả các môn	
3	Máy in siêu tốc	2013	1	Tất cả các môn	
4	Máy trạm nghiệp vụ	2013	6	Tất cả các môn	
5	Máy in mạng	2013	1	Tất cả các môn	
6	Máy in HP	2013	2	Tất cả các môn	
7	Máy chấm thi trắc nghiệm	2013	1	Tất cả các môn	
8	Máy chiếu Sony	2013	4	Tất cả các môn	
9	Thiết bị lưu điện	2013	1	Tất cả các môn	
10	Switch Dell	2013	1	Tất cả các môn	
11	Tủ rack	2013	1	Tất cả các môn	
12	Hệ thống lưu trữ Dell™ PowerVault™	2014	1	Tất cả các môn	
13	Network Attached Storage Appliance			Tất cả các môn	
14	Máy trạm phòng thí nghiệm Dell™	2014	81	Tất cả các môn	
15	Optiplex™ N-Series Base			Tất cả các môn	
16	Switch Dell PowerConnect™ 24 Port Gigabit Ethernet	2014	4	Tất cả các môn	

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước/năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Ghi chú
17	Switch with 2 Fiber Uplink Ports			Tất cả các môn	
18	Wireless Access point Cisco Linksys	2014	4	Tất cả các môn	
19	Patch Panel AMP Cat6, 110C, 24P, SL, Univ	2014	5	Tất cả các môn	
20	Tủ Rack Netone 19" Systems 20U - Series 1000	2014	1	Tất cả các môn	
21	Máy lạnh LG -18.000 BTU	2014	2	Tất cả các môn	
22	Máy In thẻ nhựa hai mặt HiTi ID card printer	2014	1	Tất cả các môn	
23	Phôi thẻ nhựa PVC có ghi từ	2014	5,000	Tất cả các môn	
24	Đầu đọc thẻ từ Labau cho phòng thi trắc nghiệm	2014	4	Tất cả các môn	
25	Hệ thống mạng + cài đặt	2014		Tất cả các môn	
26	Bàn + ghế giảng viên	2014	1	Tất cả các môn	
27	Bàn thí sinh (bàn đôi)	2014	40	Tất cả các môn	
28	Ghế thí sinh	2014	80	Tất cả các môn	
29	Phần mềm hệ thống tài khoản, tích hợp với phần mềm quản lý đào tạo	2014	1	Tất cả các môn	
30	Phần mềm quản lý chương trình đào tạo, khung kiến thức và ngân hàng câu hỏi	2014	1	Tất cả các môn	
31	Phần mềm tổ chức dữ liệu ngân hàng đề thi	2014	1	Tất cả các môn	
32	Phần mềm tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính	2014	1	Tất cả các môn	
33	Phần mềm tích hợp quản trị đo lường chất lượng và phục vụ công tác khảo thí, kiểm định chất lượng	2014	1	Tất cả các môn	
34	Đào tạo sử dụng phần mềm	2014	11 Lốp	Tất cả các môn	
35	Hệ thống máy chủ	2015	1 bộ	Tất cả các môn	
36	Hệ thống máy trạm	2015	81 bộ	Tất cả các môn	
	Hệ thống thiết bị mạng LAN			Tất cả các môn	

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước/năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Ghi chú
37	Switch Planet 24-Port 10/100/1000Mbps Gigabit Ethernet Switch; GSW-2401	2015	4 cái	Tất cả các môn	
38	Wireless Access point Cisco Linksys; RE6500 AC1200	2015	2 cái	Tất cả các môn	
39	Patch Panel AMP Cat6, 110C, 24P, SL, Univ (Unload with Jack bag); AMP	2015	4 cái	Tất cả các môn	
40	Tủ Rack 19" Systems 20U - Series 1000; Series 1000	2015	1 cái	Tất cả các môn	
	Hệ thống thiết bị ngoại vi khác			Tất cả các môn	
41	Máy điều hòa không khí LG 18.000 Btu/h 2 cục 1 chiều + phụ kiện và công lắp đặt hoàn chỉnh; S18ENA	2015	2 cái	Tất cả các môn	
42	Máy photocopy kỹ thuật số Fuji Xerox DocuCentre-VCopy Function; 7080	2015	01 cái	Tất cả các môn	
43	Máy In thẻ nhựa hai mặt HiTi ID card printer; CS200e	2015	1 cái	Tất cả các môn	
44	Phôi thẻ nhựa PVC, DIC10293	2015	5000 cái	Tất cả các môn	
45	Mực In cho máy In thẻ nhựa HiTi Color ribbon for CS200e (Ribbon màu HiTi); 87.R0A09.19X	2015	5 hộp	Tất cả các môn	
46	Đầu đọc thẻ đa tia Prowill cho phòng thi trắc nghiệm; DTS-600	2015	2 cái	Tất cả các môn	
	Phần mềm hệ thống, ứng dụng			Tất cả các môn	
47	Hệ điều hành cho máy chủ Windows Server Standard 2012 SNGL OLP NL 2Proc + 5 Windows Server User CAL 2012 SNGL OLP NL DvcCAL; WinSvrStd 2012	2015	1 bản	Tất cả các môn	
48	Phần mềm hệ điều hành Máy trạm Linux Ubuntu 10; Ubuntu 10	2015	80 bản	Tất cả các môn	
49	Phần mềm văn phòng nguồn mở: Soạn thảo văn bản (Word), Bảng Tính (Excel), Trình chiếu; OpenOffice	2015	80 bản	Tất cả các môn	

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước/năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Ghi chú
	Hệ thống mạng			Tất cả các môn	
50	Cable mạng AMP CAT6, 4UTP, 24AWG, CM, BLUE 305m/ hộp; Cable AMP	2015	6 thùng	Tất cả các môn	
51	Wall Place AMP đôi CAT6 (bao gồm: Mod Jack, Cat6, RJ45, SL, Unshi, T568A/B, Alm + Faceplate Kit, Shutter, 1 Port + Socket); Wall AMP	2015	41 cái	Tất cả các môn	
52	Đầu nối AMP UTP/STP 8 Position, Cat 6, ModularPlug Kit 6-7mm 100 Chiếc/hộp; AMP	2015	3 hộp	Tất cả các môn	
53	Gen Sino 60x40 mm;	2015	20 cây	Tất cả các môn	
54	Gen SP 60x22 mm	2015	20 cây	Tất cả các môn	
55	Gen Sino 38x19 mm	2015	50 cây	Tất cả các môn	
56	Ổ điện (đôi) Sino	2015	41 cái	Tất cả các môn	
57	Dây điện Trần Phú 2 x 2,5 mm	2015	200 m	Tất cả các môn	
58	Attomat Sino (160A)	2015	1 cái	Tất cả các môn	
59	Vật tư phụ thi công cho toàn bộ hệ thống mạng	2015	1 HT	Tất cả các môn	
60	Nhân công thi công lắp đặt hệ thống mạng Lan và điện	2015	81 máy	Tất cả các môn	

III. Nội thất

61	Bàn, ghế giáo viên Thành Trung; TTGV01 Ghế xoay cần hơi Hòa Phát; SG550H	2015	1 bộ	Tất cả các môn	
62	Bàn máy tính Thành Trung cho phòng thi trắc nghiệm, có vách ngăn; CB600 Chất liệu: Gỗ ván ép Kích thước: 1200 x 600 x 750 mm	2015	40 cái	Tất cả các môn	
63	Ghế gấp cho phòng thi trắc nghiệm Hòa Phát; G01M Kích thước: W440 x D500 x H850 mm	2015	80 cái	Tất cả các môn	
64	Máy trạm phòng thi trắc nghiệm Dell™ Optiplex™ N-Series Base .	2016	81	Tất cả các môn	

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước/năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Ghi chú
	Model 3020				
65	Switch Dell PowerConnect™ 24 Port Gigabit Ethernet Switch with 2 Fiber Uplink Ports. Model GSW-2401	2016	4	Tất cả các môn	
66	Wireless Access point Cisco Linksys . Model AE2750	2016	2	Tất cả các môn	
67	Patch Panel AMP Cat6, 110C, 24P, SL, Univ (Unload with Jack bag)	2016	4	Tất cả các môn	
68	Tủ Rack Netone 19" Systems 20U - Series 1000.	2016	1	Tất cả các môn	
69	Máy điều hòa không khí LG 18.000Btu 2 cục 1 chiều + phụ kiện và công lắp đặt hoàn chỉnh. Model S18ENA	2016	2	Tất cả các môn	
70	Máy phát điện Hữu Toàn 165KVA Model HT5F15	2016	1	Tất cả các môn	
71	Bàn, ghế giáo viên	2016	1	Tất cả các môn	
72	Bàn máy tính cho phòng thi trắc nghiệm, có vách ngăn CB600	2016	40	Tất cả các môn	
73	Ghế gấp cho phòng thi trắc nghiệm Hòa Phát	2016	80	Tất cả các môn	
74	Hệ thống phần mềm trường học điện tử	2016	1	Tất cả các môn	

c) Thông tin thư viện

Bảng 3.2. Thông tin thư viện

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
1	Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Việt Nam, 2011	1	324.2597
2	Hỏi và đáp kinh tế chính trị Mác - Lênin	Việt Nam, 2010	3	335.4307
3	Hỏi và đáp chủ nghĩa xã hội khoa học	Việt Nam, 2010	1	335.5
4	Hỏi và đáp môn học chính trị	Việt Nam, 2010	2	320.07
5	Toàn văn di chúc của chủ tịch Hồ Chí Minh	Việt Nam, 1999	5	320

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
6	Về con đường giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh	Việt Nam, 1996	2	320
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam	Việt Nam, 2003	1	320
8	Luật khiếu nại tố cáo (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2004 và năm 2005)	Việt Nam, 2009	24	346.597
9	Vấn đề về tôn giáo và chính sách tôn giáo của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Việt Nam, 2002	1	320
10	Vấn đề về dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Việt Nam, 2002	1	320
11	Ngân hàng câu hỏi Olympic môn chính trị	Việt Nam, 2006	3	320
12	Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học	Việt Nam, 2006	1	320
13	Bài tập thực hành triết học Mác - Lênin	Việt Nam, 2008	2	335.401
14	Chính phủ Việt Nam 1945 - 2000 = The Vietnamese government 1945 - 2000: Tư liệu	Việt Nam, 2000	1	320
15	60 năm chính phủ Việt Nam 1945 - 2005 = 60 years of the Vietnamese government 1945 - 2005	Việt Nam, 2005	2	320
16	Nghị quyết của UBTV Quốc hội về việc đại biểu quốc hội tiếp công dân, tiếp nhận, chuyển đơn, đơn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân	Việt Nam, 2000	5	320
17	Biện chứng của tự nhiên	Việt Nam, 2004	4	146
18	Về tư cách người Đảng viên Cộng sản	Việt Nam, 1984	3	190
19	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Việt Nam, 2012	55	335.43
20	Hồ Chí Minh với giáo dục	Việt Nam, 2006	1	335.4346
21	Đảng cộng sản Việt Nam chặng đường qua hai thế kỷ	Việt Nam, 2006	1	324.259707 5
22	Xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh giáo dục và nâng cao chất lượng đảng viên trong thời đại Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2005	1	324.259707 5
23	Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng	Việt Nam, 2004	1	335.4346

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
24	Việt Nam 20 năm đổi mới và phát triển theo định hướng Xã hội chủ nghĩa	Việt Nam, 2006	1	330.9597
25	Những cuộc thương lượng lịch sử thời đại Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2008	1	327.101959 7
26	Đảng Cộng sản Việt Nam từ Đại hội I đến Đại hội X (Lịch sử Đảng 1930 - 2006)	Việt Nam, 2006	1	335.4346
27	Chủ tịch Hồ Chí Minh và đại tướng Võ Nguyên Giáp	Việt Nam, 2011	4	923.1597
28	Hồ Chí Minh sự hội tụ tinh hoa tư tưởng đạo đức nhân loại	Việt Nam, 2007	1	923.1597
29	35 năm thực hiện di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2004	2	923.1597
30	Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng	Việt Nam, 1976	2	959.704
31	Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Chân dung một huyền thoại	Việt Nam, 2013	1	923.1597
32	Giáo trình đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Việt Nam, 2012	2	324.2597
33	Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng	Việt Nam, 2004	5	335.4112
34	Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Việt Nam	Việt Nam, 2004	4	335.4346
35	Dưới lăng kính triết học	Việt Nam, 2002	10	193
36	Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay	Việt Nam, 2004	5	320.9597
37	Sửa đổi lối làm việc	Việt Nam, 2008	1	335.4346
38	Đời sống mới	Việt Nam, 2005	1	335.4346
39	100 câu hỏi đáp về, thân thể, sự nghiệp - tư tưởng, quan điểm và tấ gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2013	2	923.1597
40	Tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học nghệ thuật quản lý và phong cách lãnh đạo dành cho cán bộ, đảng viên ngày nay	Việt Nam, 2013	1	335.4346
41	Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Việt Nam, 2013	1	324.2597
42	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2014	3	335.4346

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
43	Chủ quyền Việt Nam trên biển đông và Hoàng Sa - Trường Sa	Việt Nam, 2014	1	320.150959 7
44	Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng lãnh đạo nhà nước	Việt Nam, 1996	1	335.4346
45	Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2010	1	335.4346
46	Cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin địa lý GIS	Việt Nam, 2006	2	910.285
47	GIS thực hành ARCMAP	Việt Nam, 2009	40	910.285
48	Satellite remote Sensing of Spratly Islands =Vệ tinh viễn thám quần đảo Trường Sa	Việt Nam, 2007	3	621.384
49	Principles of Geographical Information Systems	United Kingdom, 2011	1	910.285
50	Geographic Information Analysis	United Kingdom, 2010	1	910.285
51	ESRI Guide to GIS Analysis (Volume 1: Geographic Patterns & Relationships)	United Kingdom, 2005	1	910.285
52	Statistical Analysis of Geographic Information with ArcView GIS And ArcGIS	United Kingdom, 2005	1	910.285
53	Introduction to Environmental Modelling	2009	1	577.015
54	Thinking About GIS: Geographic Information System Planning for Managers	2013	1	658.05
55	ArcGIS spatial analysyst: Advanced spatial analysis using raster and vector data		TLDT	
56	Intro to Spatial Statistics in RUCLA Department of Statistics		TLDT	
57	Spatial Statistics in ArcGIS		TLDT	
58	Geographic Information Science and Systems for Enviromental Management. Annual Review of Enviroment and Resource.Vol. 28		TLDT	
59	Getting started with ArcGIS		TLDT	
60	GlobalSoilMap: Basis of the global spatial soil information system	2014	1	631.4
61	Statistical analysis of spatial and spatio-temporal point patterns	2014	1	519.535

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
62	Spatial Mathematics: Theory and Practice through Mapping	2013	1	910.0151
63	Advances in Mapping from Remote Sensor Imagery: Techniques and Applications	2013	1	526
64	Programming GPS and OpenStreetMap Applications with Java: The RealObject Application Framework	2011	1	910.285
65	Spatial Statistics: GeoSpatial Information Modeling and Thematic Mapping	2011	1	910.727
66	Remote Sensing of Natural Resources	2014	1	333.70285
67	GPS: Theory, Algorithms and Applications	2007	1	626.6
68	GlobalSoilMap: Basis of the global spatial soil information system	2014	1	631.4
69	Viễn thám	Việt Nam, 2012	13	621.3678
70	Thực hành viễn thám	Việt Nam, 2012	12	621.3678
71	Kinh doanh bất động sản: chuyên đề "môi giới"	Việt Nam, 2010	6	650
72	Luật kinh doanh bất động sản	Việt Nam, 2009	11	346.59707
73	Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội	Việt Nam, 2008	6	519.5
74	Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS	Việt Nam, 2008	21	519.5
75	Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội	Việt Nam, 2011	20	519.5
76	Những nội dung cấm vi phạm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	Việt Nam, 2003	3	333.7
77	Tuyển tập các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	Việt Nam, 2003	3	333.7
78	Giáo trình môi trường và con người	Việt Nam, 2010	28	363.707
79	Con người và môi trường	Việt Nam, 2000	1	577.14
80	Kiểm soát ô nhiễm không khí	Việt Nam, 2009	60	363.7392
81	Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững	Việt Nam, 2006	3	333.7
82	Cẩm nang quản lý môi trường	Việt Nam, 2006	7	363.7
83	Cơ sở môi trường sinh thái	Việt Nam, 2010	29	577
84	Cơ sở khoa học môi trường	Việt Nam, 2001	4	363.7

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
85	Môi trường khí hậu thay đổi mối hiểm họa của toàn cầu	Việt Nam, 2001	6	363.7
86	Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững [Sách photo]	Việt Nam, 2003	TLDT	333.7
87	Sinh thái môi trường học cơ bản	Việt Nam, 2002	1	
88	Các văn bản pháp quy về quản lý đất đai ban hành ở Việt Nam từ 1945 đến năm 1997	Việt Nam, 1998	18	340
89	Đất đai, nhà ở cho thuê nhà, đất, thuê nhà đất và quyền lợi - nghĩa vụ của người sử dụng đất	Việt Nam, 2000	2	340
90	Tìm hiểu nội dung cơ bản của hiến pháp (sửa đổi)	Việt Nam, 2002	1	340
91	Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến năm 2001	Việt Nam, 2002	1	340
92	Hỏi đáp về đất đai, nhà ở các loại thuế trong quá trình sử dụng đất	Việt Nam, 2002	1	350
93	Phát huy dân chủ và giải quyết khiếu tố ở cơ sở	Việt Nam, 2002	10	350
94	Một số vấn đề về quản lý nhà nước	Việt Nam, 1998	1	350
95	Hệ thống các văn bản pháp quy về Quy hoạch xây dựng nhà ở và đất đai	Việt Nam, 1998	1	340
96	Đất đai, nhà ở và thuế nhà đất - quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất	Việt Nam, 2001	2	350
97	Nhà ở, đất đai và thuế nhà đất	Việt Nam, 1997	1	350
98	Giáo trình luật đất đai	Việt Nam, 2009	44	346.597043
99	Giáo trình Đăng ký và thống kê đất đai	Việt Nam, 2005	42	333.73
100	Giáo trình Pháp luật đất đai	Việt Nam, 2006	40	346.597043
101	Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất	Việt Nam, 2006	45	333.73
102	Giáo trình Định giá đất	Việt Nam, 2006	19	333.73
103	Giáo trình Giao đất và thu hồi đất	Việt Nam, 2006	18	333.73
104	Giáo trình Thanh tra kiểm tra đất đai	Việt Nam, 2007	23	333.73
105	Bình ổn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Việt Nam : Khung giá đất năm 2008	Việt Nam, 2008	5	346.597043

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
106	119 Câu hỏi về luật đất đai	Việt Nam, 2004	24	346.597043
107	Kinh doanh bất động sản - chiến lược đầu tư	Việt Nam, 2010	45	650
108	Luật nhà ở năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009	Việt Nam, 2009	8	346.597043
109	Luật đất đai năm 2003 được sửa đổi, bổ sung năm 2009	Việt Nam, 2009	24	346.597043
110	Kinh doanh bất động sản và hướng tới sự phát triển bền vững	Việt Nam, 2010	5	650
111	Luật đất đai	Việt Nam, 2004	1	346.597043
112	Luật đất đai (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009)	Việt Nam, 2009	1	346.597043
113	Tìm hiểu Luật đất đai năm 2003	Việt Nam, 2004	1	346.597043
114	Đất đai, nhà ở cho thuê nhà, đất thuê nhà, đất và quyền lợi - nghĩa vụ của người sử dụng đất	Việt Nam, 1999	2	340
115	Các văn bản pháp luật về nghĩa vụ và quyền lợi đối với cán bộ công chức	Việt Nam, 1999	2	340
116	Quy định pháp luật về đất đai và nhà ở	Việt Nam, 2000	2	340
117	212 câu hỏi đáp luật đất đai Việt Nam	Việt Nam, 2002	1	340
118	Những quy định mới về +Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất +Lệ phí trước bạ +Thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất + Thủ tục cầm cố, thế chấp	Việt Nam, 2000	1	340
119	Bộ luật hình sự mới của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam	Việt Nam, 2000	4	340
120	Hệ thống các văn bản pháp luật về đất đai, nhà ở	Việt Nam, 2000	2	340
121	Địa lý thổ nhưỡng	Việt Nam, 1979	1	550
122	Cơ sở hệ thống thông tin địa lý (Gis) trong quy hoạch và quản lý đô thị	Việt Nam, 1999	13	650
123	Giáo trình sinh học đất	Việt Nam, 2009	5	560

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
124	Giáo trình đăng ký thống kê đất đai	Việt Nam, 2008	20	350
125	Giáo trình quy hoạch sử dụng đất đai	Việt Nam, 2007	18	350
126	Giáo trình định giá đất đai	Việt Nam, 2006	20	340
127	Giáo trình Giao đất và thu hồi đất đai	Việt Nam, 2006	20	340
128	Giáo trình thanh tra kiểm tra đất đai	Việt Nam, 2006	20	340
129	Kinh doanh bất động sản thực trạng và giải pháp Việt Nam	Việt Nam, 2010	5	333.33
130	Đô thị Việt Nam	Việt Nam, 2005	10	711.09597
131	Luật đất đai năm 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và các nghị định hướng dẫn thi hành	Việt Nam, 2010	1	340
132	Giải đáp pháp luật và thủ tục hành chính	Việt Nam, 1995	3	350
133	Một số vấn đề cơ bản về luật quốc tế	Việt Nam, 1995	2	340
134	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đất đai	Việt Nam, 1998	8	340
135	Luật đất đai (đã được sửa đổi, bổ sung năm 1998 và năm 2001)	Việt Nam, 2001	7	340
136	Các quy định pháp luật về quản lý đất đai (văn bản mới nhất năm 2000 - 2001)	Việt Nam, 2001	2	340
137	Hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 1992 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2001)	Việt Nam, 2002	1	340
138	Tìm hiểu pháp luật Hỏi đáp về các điều sửa đổi, bổ sung của hiến pháp Việt Nam	Việt Nam, 2002	2	340
139	Hỏi đáp về đất đai, nhà ở các loại thuế trong quá trình sử dụng đất đai	Việt Nam, 2002	1	350
140	Tìm hiểu nội dung cơ bản của hiến pháp (phần mới nhất có sửa chữa và bổ sung)	Việt Nam, 2002	1	340
141	Bình ổn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Việt Nam - Khung giá đất năm 2008	Việt Nam, 2008	5	350
142	Tài nguyên đất	Việt Nam, 2009	29	333.73
143	Các văn bản pháp luật về quản lý đất đai và đo đạc bản đồ (lưu hành nội bộ)	Việt Nam, 2002	2	340

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
144	Thông tư về việc hướng dẫn lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất =Thông tư số 30/2004/TT-BTNMT	Việt Nam, 2004	5	340
145	Thông tư số 28/2004/TT-BTNMT =Thông tư về việc hướng dẫn thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Việt Nam, 2004	4	340
146	Quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất =Quy định số 24/2004/QĐ-BTNMT	Việt Nam, 2004	5	340
147	Nghị định 182 = Nghị định của chính phủ về thi hành luật đất đai	Việt Nam, 2004	5	340
148	Nghị định 197&198 về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (photo)	Việt Nam, 2004	5	340
149	Nghị định 181/2004/NĐ-CP =Nghị định của chính phủ về thi hành luật đất đai (Photo)	Việt Nam, 2004	5	340
150	Hỏi đáp về pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và văn bản hướng dẫn thi hành	Việt Nam, 2002	2	340
151	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2005 của cả nước	Việt Nam, 2004	1	350
152	Chỉ dẫn pháp luật - Khiếu nại, Tố cáo, Thanh tra, Kiểm tra, Xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai	Việt Nam, 2005	2	340
153	Giáo trình đất và bảo vệ đất	Việt Nam, 2007	32	550
154	Hỏi đáp về Thuế, lệ phí về đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành	Việt Nam, 2000	1	340
155	Tìm hiểu các ngành luật Việt Nam - Về công chứng và mua bán, thuê nhà đất	Việt Nam, 1997	4	340
156	Tìm hiểu pháp luật - Hỏi đáp về quy định quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất ở, quyền sử dụng đất cho sản xuất	Việt Nam, 2002	2	340
157	Tìm hiểu luật dân sự	Việt Nam, 2002	4	340

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
158	Tìm hiểu các ngành luật Việt Nam - Luật khiếu nại, tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành	Việt Nam, 1999	2	340
159	Tìm hiểu bộ luật dân sự - Hỏi đáp về những quy định, thủ tục kiện và giải quyết án dân sự (tổ tụng hình sự)	Việt Nam, 2001	1	340
160	Tìm hiểu pháp luật - Cẩm nang pháp luật dành cho mọi công dân	Việt Nam, 2002	4	340
161	Bộ luật hình sự của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam	Việt Nam, 2001	2	340
162	Đất đai, nhà ở và thuế nhà đất - quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất	Việt Nam, 2001	1	340
163	Bán nhà thuộc sở hữu nhà nước - Bảng giá đất và những quy định mới về kinh doanh nhà đất	Việt Nam, 1995	5	340
164	Hỏi đáp về chế độ thu tiền sử dụng đất thuế - Lệ phí về đất đai	Việt Nam, 1998	5	340
165	Luật đất đai năm 2003 (sửa đổi bổ sung năm 2009) và các nghị định hướng dẫn thi hành	Việt Nam, 2010	6	346.597043
166	Hỏi đáp giao dịch dân sự về nhà, đất và giải quyết tranh chấp nhà, đất	Việt Nam, 2001	5	340
167	Giải đáp pháp luật	Việt Nam, 1998	2	340
168	Nhà ở, đất đai và thuế nhà đất	Việt Nam, 1995	4	340
169	Tìm hiểu pháp luật - Trình tự thủ tục xin cấp đất-cho thuê đất -chuyển quyền sử dụng đất - Đăng ký cấp CNQSDĐ - Cấp phép xây dựng	Việt Nam, 1998	1	340
170	Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành	Việt Nam, 1998	6	340
171	110 Câu hỏi về thừa kế theo luật dân sự	Việt Nam, 2001	1	340
172	Chỉ mục các quy định về đất đai	Việt Nam, 2000	1	340
173	Hệ thống hóa các văn bản pháp quy về Quy hoạch xây dựng nhà ở & đất đai	Việt Nam, 1998	1	340
174	Một số vấn đề cơ bản về luật quốc tế	Việt Nam, 1995	1	340

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
175	Tìm hiểu bộ luật dân sự (hiệu lực từ 01/01/2006)	Việt Nam, 2005	1	340
176	Tìm hiểu luật khiếu nại, tố cáo	Việt Nam, 2000	1	340
177	Bộ luật dân sự của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam	Việt Nam, 2001	2	340
178	Văn bản pháp luật về quan hệ Việt Nam và các nước Asean	Việt Nam, 1998	2	340
179	Những quy định mới về: Luật thuế chuyển QSDĐ - Lệ phí trước bạ - Thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng,...QSDĐ - Thủ tục cầm cố, thế chấp	Việt Nam, 2000	4	340
180	Pháp luật đại cương	Việt Nam, 1999	5	340
181	Hỏi đáp về việc giao đất, cho thuê đất	Việt Nam, 2000	4	340
182	Nhà ở, đất đai và thuế nhà đất	Việt Nam, 1997	1	340
183	Pháp luật & dân luật đại cương	Việt Nam, 2000	1	340
184	Các văn bản pháp luật về quản lý đất đai (ban hành ở Việt Nam từ năm 1998 đến tháng 6 năm 2001)	Việt Nam, 2001	1	340
185	Luật khiếu nại, tố cáo (Có hiệu lực từ 01/01/1999)	Việt Nam, 1999	2	340
186	Giáo trình Thanh tra kiểm tra đất đai	Việt Nam, 2006	51	350
187	Một số văn bản nghiệp vụ quản lý nhà nước dùng cho cán bộ địa chính cấp huyện (Photo)	Việt Nam, 1996	50	350
188	Các quy định pháp luật về đền bù, giải tỏa, giải quyết tranh chấp nhà đất	Việt Nam, 2010	4	346.597043
189	English for land administration	Việt Nam, 1998	5	420
190	Quản lý đất đai và bất động sản đô thị	Việt Nam, 2010	12	338.1
191	Từ điển thổ nhưỡng học Anh - Việt English-Vietnamese dictionary of soil science	Việt Nam, 2000	1	631.403
192	Hệ thống hóa những văn bản mới nhất về đất đai, nhà ở và những chính sách hiện hành	Việt Nam, 2011	1	346.597043
193	Tuyển tập các bản án, quyết định của tòa án Việt Nam về quyền sử dụng đất	Việt Nam, 2010	3	346.597043

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
194	Định mức quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lập, phân định bản đồ địa chính, địa giới hành chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hướng dẫn quản lý xây dựng đất đai nhà ở năm 2009	Việt Nam, 2009	1	346.597043
195	Cẩm nang sử dụng đất nông nghiệp	Việt Nam, 2009	7	631.4
196	Pháp luật và dân luật đại cương	Việt Nam, 2000	1	340
197	Luật đất đai (Sửa đổi) (Trình Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ ba)	Việt Nam, 2002	2	346.597043
198	Những điều sửa đổi cơ bản của luật đất đai năm 2003	Việt Nam, 2004	1	346.597043
199	Tờ trình Quốc hội về dự án Luật đất đai (Sửa đổi)	Việt Nam, 2003	2	346.597043
200	Địa danh và chủ quyền lãnh thổ	Việt Nam, 2013	9	911.5
201	Luật đất đai	Việt Nam, 2013	16	346.597043
202	Giáo trình quản lý nhà nước về đất đai	Việt Nam, 2007	TLDT	363.61
203	Giáo trình quản lý nhà nước về đất đai và nhà ở	Việt Nam, 2000	TLDT	338.1
204	Giáo trình quy hoạch phát triển nông thôn	Việt Nam	TLDT	338.1
205	Giáo trình thực tập hệ thống quản lý thông tin đất đai	Việt Nam, 2007	TLDT	338.1
206	Hệ thống thông tin đất	Việt Nam, 2010	TLDT	338.1
207	Kinh tế tài nguyên đất	Việt Nam, 2000	TLDT	338.1
208	Lịch sử quản lý đất đai	Việt Nam	TLDT	338.1
209	Nhận diện và giảm thiểu các rủi ro dẫn đến tham nhũng trong quản lý đất đai ở Việt Nam	Việt Nam	TLDT	338.1
210	Quy hoạch sử dụng đất	Việt Nam, 2005	TLDT	
211	Số hóa và biên tập bản đồ số sử dụng phần mềm Microsttion	Việt Nam, 2000	TLDT	
212	Giáo trình quy hoạch sử dụng đất đai	Việt Nam, 2013		
213	Giáo trình Địa chính – Tập 5. Định giá đất đai và bất động sản	LB Nga, 2006	2	
214	Giáo trình Địa chính – Tập 4. Đánh giá đất đai	LB Nga, 2006	2	

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
215	Giáo trình Địa chính – Tập 3. Đăng ký và kiểm kê nhà nước về đất đai	LB Nga, 2006	2	
216	Giáo trình Địa chính – Tập 6. Hệ thống thông tin địa lý và đất đai	LB Nga, 2006	2	
217	Giáo trình Địa chính – Tập 2. Quản lý tài nguyên đất đai	LB Nga, 2006	2	
218	Giáo trình Địa chính – Tập 1. Cơ sở lý thuyết Địa chính	LB Nga, 2006	2	
219	Giáo trình Quy hoạch đất đai – Tập 7. Quy hoạch đất đai quốc tế	LB Nga, 2005	2	
220	Giáo trình Quy hoạch đất đai – Tập 9. Quy hoạch đất đai chuyên đề	LB Nga, 2005	2	
221	Giáo trình Quy hoạch đất đai – Tập 8. Quy hoạch đất đai giai đoạn cải cách đất đai (1991 – 2005)	LB Nga, 2005	2	
222	Giáo trình Quy hoạch đất đai – Tập 6. Hệ thống tự động trong quy hoạch đất đai	LB Nga, 2005	2	
223	Giáo trình Quy hoạch đất đai – Tập 2. Thiết kế quy hoạch đất đai	LB Nga, 2005	2	
224	Giáo trình Quy hoạch đất đai – Tập 1. Cơ sở lý thuyết quy hoạch đất đai	LB Nga, 2005	2	
225	Giáo trình Quy hoạch đất đai – Tập 5. Kinh tế quy hoạch đất đai	LB Nga, 2005	2	
226	Giáo trình Quy hoạch đất đai – Tập 4. Phương pháp và mô hình toán kinh tế	LB Nga, 2005	2	
227	Giáo trình Quy hoạch đất đai – Tập 3. Thiết kế quy hoạch đất đai	LB Nga, 2005	2	
228	Quy hoạch xây dựng và phát triển điểm dân cư nông thôn	Việt Nam, 1997	1	
229	Thị tứ làng xã	Việt Nam, 2000	1	
230	Những vấn đề cơ bản về kinh tế đầu tư và thiết kế xây dựng	Việt Nam, 1998	1	
231	Nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng trong thời gian cải cách hiện nay	Việt Nam, 1995	1	
232	Quy hoạch phát triển các Business Park – Mô hình tất yếu cho đô thị hiện đại	Việt Nam, 2005	1	

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
233	Giáo trình kinh tế xây dựng	Việt Nam, 2007	1	
234	Văn hóa Việt Nam đặc trưng và cách tiếp cận	Việt Nam	1	
235	Một số vấn đề cơ bản về Kinh tế đầu tư quy hoạch và quản lý cơ sở hạ tầng đô thị	Việt Nam, 2000	1	
236	Lý thuyết kinh tế và công nghiệp xây dựng	Việt Nam, 2000	1	
237	Kinh tế học vi mô mới	Việt Nam	1	
238	Vùng đô thị châu Á & thành phố Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2005	1	
239	Điều khiển học kinh tế	Việt Nam, 2002	1	
240	Phân tích số liệu nhiều chiều – Tập 1: Phân tích theo quan điểm hình học	Việt Nam	1	
241	Cơ sở đánh giá độ tin cậy	Việt Nam, 2001	1	
242	Cơ sở lý thuyết xử lý số liệu đo đạc	Việt Nam, 2004	1	
243	Kinh nghiệm tổ chức quản lý nông thôn Việt Nam trong lịch sử	Việt Nam, 1994	1	
244	Phương pháp phân tích chính sách kinh tế trong nông nghiệp	Việt Nam, 1993	1	
245	Hệ Phi tuyến	Việt Nam, 2000	1	
246	Phân kiểu kinh tế - xã hội cấp tỉnh và cấp huyện Việt Nam	Việt Nam, 2005	1	
247	Tư duy chiến lược và khoa học mới Lập kế hoạch giữa tình thế hỗn độn, phức hợp và thay đổi	Việt Nam, 2006	1	
248	Tất định luận và tự do lựa chọn	Việt Nam, 2015	1	
249	Giáo trình Lập dự án đầu tư	Việt Nam, 2004	1	
250	Khi bong bóng vỡ	Việt Nam, 2010	1	
251	Những vấn đề cơ bản về chính sách và quy trình chính sách	Việt Nam, 2001	1	
252	Xây dựng vùng giá trị đất đai phục vụ công tác định giá đất và quản lý đất đai	Việt Nam, 2013	1	
253	Đề án Nâng cao năng lực Quản lý Nhà nước ngành Quản lý đất đai giai đoạn 2011 - 2020	Việt Nam, 2013	1	

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
254	Quản lý đất đai và thị trường bất động sản	Việt Nam, 2006	1	
255	Văn hóa truyền thống trong phát triển đô thị	Việt Nam, 2004	1	
256	Một số phương pháp tối ưu hóa trong kinh tế	Việt Nam, 1997	1	
257	Thị trường chiến lược, cơ cấu: Cạnh tranh về giá trị gia tăng, định vị và phát triển doanh nghiệp	Việt Nam, 2005	1	
258	Giáo trình kinh tế học đại cương	Việt Nam, 2009	1	
259	Kinh tế tài nguyên đất	Việt Nam, 2000	1	
260	Giáo trình thống kê kinh tế	Việt Nam, 2001	1	
261	Quản lý đô thị	Việt Nam, 2001	1	
262	Nguồn gốc khủng hoảng tài chính	Việt Nam, 2008	1	
263	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Việt Nam, 2001	1	
264	Kinh tế môi trường học	Việt Nam, 2001	1	
265	Những kiến giải về triết học khoa học	Việt Nam	1	
266	Bách khoa toàn thư về kinh tế học và khoa học quản lý	Việt Nam	1	
267	Các thể chế, sự thay đổi thể chế và hoạt động kinh tế	Việt Nam, 1998	1	
268	Giáo trình Quản trị học	Việt Nam, 2007	1	
269	Định vị thương hiệu	Việt Nam	1	
270	Dấu ấn thương hiệu: Tài sản và giá trị Tập IIIA: Từ nội cảm đến nội tưởng và khái thị	Việt Nam	1	
271	Dấu ấn thương hiệu: Tài sản và giá trị Tập I: Từ trọng lực đến chức năng	Việt Nam	1	
272	Dấu ấn thương hiệu: Tài sản và giá trị Tập II: Hồn, Nhân cách, Bản sắc	Việt Nam	1	
273	Phi lý trí: Khám phá những độc lực vô hình ẩn sau những quyết định của con người	Việt Nam, 2009	1	
274	Tài liệu bồi dưỡng về Quản lý hành chính Nhà nước phần III: Quản lý Nhà nước đối với ngành và lĩnh vực	Việt Nam, 2005	1	

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
275	Tài liệu bồi dưỡng về Quản lý hành chính Nhà nước phần II: Hành chính Nhà nước và Công nghệ hành chính	Việt Nam, 2005	1	
276	Sổ tay định vị GPS	Việt Nam, 1997	1	526.9
277	Bản đồ học	Việt Nam, 1998	16	526.9
278	Bình sai tính toán lưới trắc địa GPS	Việt Nam, 2006	18	526.9
279	Bài giảng công nghệ GPS	Việt Nam, 2007	30	526.9
280	GPS hệ thống định vị toàn cầu	Việt Nam, 2008	18	621.384
281	Thực tập định vị vệ tinh (GPS)	Việt Nam, 2010	18	621.384
282	GIS căn bản	Việt Nam, 2011	17	910.285
283	Hộ gia đình Việt Nam nhìn qua phân tích định lượng	Việt Nam, 1999	1	
284	Giải pháp Keynes – Con đường dẫn đến sự thịnh vượng kinh tế toàn cầu	Việt Nam, 2009	1	
285	Những vấn đề của phát triển không gian đô thị	Việt Nam, 2005	1	
286	Từ xác định đến bất định	Việt Nam, 2014	1	
287	Chính sách thu hút đầu tư vào thị trường bất động sản Việt Nam	Việt Nam, 2006	1	
288	Lý thuyết trò chơi trong kinh doanh	Việt Nam, 2009	1	
289	Quản lý tài chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng	Việt Nam, 2003	1	
290	Nghiên cứu Marketing Lý thuyết và ứng dụng	Việt Nam, 2006	1	
291	Giáo trình định giá đất	Việt Nam	1	
292	Natural Resource Economics: Issues, Analysis and Policy	USA	1	
293	Giáo trình địa chính: Lý thuyết, phương pháp và thực hành	LB Nga		
294	Kinh tế vĩ mô	LB Nga, 1994		
295	Kinh tế chính trị tập 1	LB Nga, 1945	1	
296	Kinh tế chính trị tập 2	LB Nga, 1945	1	

Số TT	Tên sách, tạp chí, báo	Nước xuất bản/ năm xuất bản	Số lượng	Ghi chú (Mã số sách trong thư viện)
297	Quản lý nhà nước về quan hệ đất đai	LB Nga, 2000	1	

d) Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành ngành Quản lý đất đai

Bảng 3.3. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành ngành Quản lý đất đai

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Tài liệu tham khảo
Kiến thức đại cương			
1	GEN 001	Triết học	Tài liệu bắt buộc [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Triết học (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh khối không chuyên ngành triết học), NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 2014. Tài liệu tham khảo [2]. Đinh Ngọc Thạch, Doãn Chính (2 tập), Lịch sử triết học phương Tây, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2018. [3]. Nguyễn Đăng Thục, Lịch sử triết học phương Đông, NXB Hồng Đức. [4]. Nguyễn Hùng Hậu, Đại cương lịch sử triết học Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. [5]. Nguyễn Hữu Vui, Lịch sử triết học, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2	GEN 002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Tài liệu bắt buộc [1] Trần Thanh Hùng, 2020. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học quản lý đất đai, Tài liệu lưu hành nội bộ Khoa Quản lý đất đai - Trường Đại học TN&MT TP.HCM. [2] Vũ Cao Đàm, 2005. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. Tài liệu tham khảo [3] Trần Thanh Ái, 2016. Xây dựng giả thuyết khoa học như thế nào, Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn, số 23 (48), 12/2016. [4] Đỗ Kiên Cường, 2008. Hợp trội luận và quy gián luận: Đối lập và song hành, www.tiasang.com.vn. [5] Phan Đình Diệu, 2018. Logic hình thức và nhận thức khoa học, www.chungta.com. [6] Phan Đình Diệu, 2018. Khoa học về cái phức tạp, www.tiasang.com.vn. [7] Phạm Việt Hưng, 2020. Định lý Godel: Nền tảng của khoa học nhận thức hiện đại, NXB Tri Thức. [8] Đặng Mộng Lân 2015. Khoa học thế kỷ XXI: Vượt ra ngoài quy gián luận, www.chungta.com.

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Tài liệu tham khảo
			[9] Phạm Đình Nghiệm, 2013. Các quy luật cơ bản của tư duy, www.triethoc.edu.vn. [10] Nguyễn Thuý Vân, Nguyễn Anh Tuấn, 2003. Logic học đại cương, NXB Quốc gia Hà Nội.
3	LAND 003	Cơ sở quản lý đất đai trong điều kiện bất định	Tài liệu bắt buộc [1] Trần Thanh Hùng, 2020. Cơ sở quản lý đất đai, Tài liệu lưu hành nội bộ Khoa Quản lý đất đai - Trường Đại học TN&MT TP.HCM. Tài liệu tham khảo [2] Chu Văn Thịnh, 2000. Cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chính sách và sử dụng hợp lý quỹ đất đai, Đề tài cấp nhà nước, Viện Nghiên cứu Địa chính, Hà Nội. [3] Neil J. Smelser, 1989. Cái hợp lý và tình cảm hai chiều trong khoa học xã hội, American Sociological Review, Vol. 63, No.1 Feb 1998, pp 1-16, (Bản dịch của Bùi Thế Cường). [4] David Peat F, 2012. Từ xác định đến bất định, NXB Tri thức. [5] Dan Ariely, 2009. Phi lý trí: Khám phá những động lực vô hình ẩn sau những quyết định của con người, NXB Lao động - Xã hội. [6] Alonso William, 1964. Location and Land Use. Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts. [7] Edward Glaeser, 2002. Non-Market Interactions, Department of Economics, Harvard University. [8] Hoàng Hữu Phê và Patrick Wakely, 2000. Vị thế, chất lượng và sự lựa chọn khác: Tiến tới một Lý thuyết mới về Vị trí Dân cư Đô thị, Tạp chí Đô thị học (Urban Studies) xuất bản tại Vương quốc Anh, Vol. 37, No. 1, January 2000. [9] Tôn Thất Nguyễn Thiêm, 2005. Dấu ấn thương hiệu, Tập I, II, III, NXB Trẻ. [10] Trần Thanh Hùng, 2013. Lý thuyết Vị thế - Chất lượng: Triển vọng mô hình hóa toán học và cầu nối giữa kinh tế học hành vi và kinh tế học tân cổ điển, Tập san HTKH, Trường ĐHXD Hà Nội. [11] Kim Jeong Moon, 2010. Residential Location Decisions: Heterogeneity and the Trade-off between Location and Housing Quality, Ohio State University. [12] SUME, 2009. Sustainable Urban Metabolism for Europe, Deliverable 4.1 DRAFT v2.2, Work Package 4, October, 2009. [13] Phan Đình Diệu, 2002. Tư duy hệ thống và đổi mới tư duy, Thời Đại, số 6, năm 2002, trang 87-116. [14] Alan Kirman, 2010. The Economic Crisis is a Crisis for Economic Theory, CESifo Economic Studies, Vol. 56, April 2010, 498-535.

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Tài liệu tham khảo
			[15] Trần Hữu Dũng, 2010. Khủng hoảng kinh tế và khủng hoảng trong kinh tế học, Thời báo Kinh tế Việt Nam VnEconomy, ngày 4 tháng 1 năm 2010.
4	LAND 004	Tài nguyên đất đai	Tài liệu bắt buộc [1]. Đất Việt Nam. Hội Khoa học đất Việt Nam, NXB Nông nghiệp 2000, 411 tr. [2]. Trần Đình Bồng, Quản lý đất đai ở Việt Nam - thực tiễn và nhận thức, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2021, 475 trang. Tài liệu tham khảo [3]. Trần Kông Tấu. Tài nguyên đất. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006. [4]. Lê Huy Bá. Sinh thái môi trường đất. NXB Đại học Quốc gia TPHCM, 2001. [5]. Đất Đông Nam Bộ. Phan Liêu, NXB Nông nghiệp 1992, 150 tr.
5	LAND 005	Kinh tế đất đai	Tài liệu bắt buộc [1] Trần Thanh Hùng, 2020. Kinh tế đất đai, Tài liệu lưu hành nội bộ Khoa Quản lý đất đai - Trường Đại học TN&MT TP.HCM. Tài liệu tham khảo [2] Ngô Đức Cát, (2000). Giáo trình kinh tế tài nguyên đất. NXB Nông nghiệp. [3] Phạm Ngọc Côn, (1999). Kinh tế học đô thị, NXB Khoa học và Kỹ thuật. [4] Trần Hữu Dũng, 2010. Khủng hoảng kinh tế và khủng hoảng trong kinh tế học, Thời báo Kinh tế Việt Nam VnEconomy, ngày 4 tháng 1 năm 2010. [5] Dan Ariely, 2009. Phi lý trí: Khám phá những động lực vô hình ẩn sau những quyết định của con người, NXB Lao động - Xã hội. [6] Tôn Gia Huyền, Nguyễn Đình Bồng, (2006). Quản lý Đất đai và Thị trường bất động sản, NXB Bản đồ, Hà Nội. [7] Trần Thanh Hùng, 2013. Lí thuyết Vị thế - Chất lượng: Triển vọng mô hình hóa toán học và cầu nối giữa kinh tế học hành vi và kinh tế học tân cổ điển, Tập san HTKH, Trường ĐHXD Hà Nội. [8] Lê Đình Thắng, (2002). Nguyên lý thị trường nhà đất, NXB Chính trị Quốc gia. [9] Neil J. Smelser, 1989. Cái hợp lý và tình cảm hai chiều trong khoa học xã hội, American Sociological Review, Vol. 63, No.1 Feb 1998, pp 1-16, (Bản dịch của Bùi Thế Cường).

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Tài liệu tham khảo
			[10] David Peat F, 2012. Từ xác định đến bất định, NXB Tri thức. [11] Việt Phương, (1998). Các học thuyết của nền kinh tế thị trường, NXB Khoa học và Kỹ thuật. [12] Hoàng Hữu Phê và Patrick Wakely, 2000. Vị thế, chất lượng và sự lựa chọn khác: Tiến tới một Lý thuyết mới về Vị trí Dân cư Đô thị, Tạp chí Đô thị học (Urban Studies) xuất bản tại Vương quốc Anh, Vol. 37, No. 1, January 2000. [13] Tôn Thất Nguyễn Thiêm, 2005. Dấu ấn thương hiệu, Tập I, II, III, NXB Trẻ. [14] Alonso William, 1964. Location and Land Use. Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts. [15] Edward Glaeser, 2002. Non-Market Interactions, Department of Economics, Harvard University. [16] Kim Jeong Moon, 2010. Residential Location Decisions: Heterogeneity and the Trade-off between Location and Housing Quality, Ohio State University. [17] Alan Kirman, 2010. The Economic Crisis is a Crisis for Economic Theory, CESifo Economic Studies, Vol. 56, April 2010, 498-535.
6	LAND 006	Sử dụng đất đai thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	Tài liệu bắt buộc [1] Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam, 2010. [2] Kịch bản Biến đổi khí hậu Việt Nam 2016. [3] Nguyễn Quốc Hùng, Một số vấn đề về ô nhiễm và suy thoái đất đai ở Việt Nam hiện nay, NXB Chính trị Quốc gia. Tài liệu tham khảo [4] Biến đổi khí hậu.
7	LAND 007	Chính sách đất đai	Tài liệu bắt buộc [1] Bài giảng Chính sách đất đai, Trường đại học Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM (tài liệu lưu hành nội bộ), 2020. [2] Nguyễn Văn Sửu - Đổi mới chính sách đất đai ở Việt Nam từ lý thuyết đến thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2010. [3] Lê Chi Mai - Những vấn đề cơ bản về chính sách và quy trình chính sách, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2001. Tài liệu tham khảo [4] Cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chính sách và sử dụng hợp lý quỹ đất đai, Viện nghiên cứu địa chính. [5] Nguyễn Tấn Phát, Chính sách đất đai ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, Tạp chí nghiên cứu kinh tế số 1, 2006.

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Tài liệu tham khảo
			[6] Trần Thị Minh Châu, Về chính sách đất nông nghiệp ở nước ta hiện nay. NXB Chính trị Quốc gia, 2007. [7] Luật đất đai 2013, Quốc hội 13, 2013 và các văn bản hướng dẫn. [8] Luật đất đai 2003, Quốc hội 11, 2003 và các văn bản hướng dẫn. [9] Luật đất đai 1993, Quốc hội 9, 1993 và các văn bản hướng dẫn.
8	LAND 008	Quy hoạch đất đai	Tài liệu bắt buộc [1] Giáo trình Thiết kế quy hoạch sử dụng đất đai - Khoa Quản lý đất đai, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh. 2014. [2] Thông tư 01/2021/TT-BTNMT kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tài liệu tham khảo [3] Land use planning. FAO. 1991. [4] Guidelines for land use planning. FAO. 1993. [5] Luật đất đai 2013. [6] Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14
9	LAND 009	Ô nhiễm môi trường và sử dụng đất đai	Tài liệu bắt buộc [1] Lâm Minh Triết chủ biên – Kỹ thuật môi trường, tái bản lần 1, NXB ĐHQG TP. HCM . 2007. [2] Vũ Quốc Thắng – Qui hoạch môi trường, NXB ĐHQG Hà Nội , 2005. [3] Assessment of Sources of Air, Water and Land Pollution, WHO, 1993. Tài liệu tham khảo [4] Luật Bảo vệ môi trường 2020
10	LAND 010	Phân tích thống kê trong quản lý đất đai	Tài liệu bắt buộc [1] Đỗ Anh Tài – Phân tích số liệu thống kê, NXB Thống kê, 2008. [2] Nguyễn Thành Cả, Nguyễn Thị Ngọc Miên – Kinh tế lượng, NXB Kinh tế TP.HCM, 2014. Tài liệu tham khảo [3] Hoàng Ngọc Nhậm, Vũ Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Ngọc Thanh – Kinh tế lượng, NXB Lao động – Xã hội, 2008. [4] Lê Khánh Luận, Nguyễn Thanh Sơn – Lý thuyết xác suất thống kê, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2009. [5] Hoàng Ngọc Nhậm – Lý thuyết xác suất và thống kê toán,

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Tài liệu tham khảo
			NXB ĐHQG TP.HCM, 2007
11	LAND 011	Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu	Tài liệu bắt buộc [1] Vũ Xuân Cường, CSDL không gian trong GIS, NXB KH&KT, 2017. [2] Vũ Xuân Cường – Vũ Minh Tuấn, Lý thuyết và thực hành GIS đại cương, NXB KH&KT, 2016. [3] FGCC, Multipurpose Land Information System: The Guidebook, 1989. Tài liệu tham khảo [4] A. Tuladhar, GIS - LIS as a multipurpose system, Computer Science, 1992. [5] Committee on Geodesy, Procedures and Standards for a Multipurpose Cadastre, National Academy Press, 1983. [6] Robert Laurini & Derek Thompson, Fundamental of Spatial Information Systems. Academic Press. 1992. [7] WB, Official Document on VIETNAM IMPROVED LAND GOVERNANCE AND DATABASE PROJECT, 2016. [8] Đề án “Tăng cường quản lý nhà nước về CSDL quốc gia”, Bộ TT&TT, 2016 [9] Dự án “Xây dựng CSDL quốc gia về tài nguyên và môi trường”, Bộ TN&MT, 2009. [10] Dự án ”Xây dựng CSDL quốc gia về đất đai”, Bộ TN&MT, 2013. [11] Tổng cục Địa chính, 1998. Dự án khả thi xây dựng CSDL Quốc gia về tài nguyên đất, Hà Nội.
12	LAND 012	Kỹ thuật và công nghệ quản lý đất đai	Tài liệu bắt buộc [1] Bài giảng Kỹ thuật và công nghệ quản lý đất đai, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường TP.HCM Tài liệu tham khảo [2] Nguyễn Tấn Lộc (2001), Trắc địa đại cương, NXB Đại Học Quốc Gia TP.HCM [3] Vũ Xuân Cường, Phạm Văn Tùng (2015), Giáo trình “Trắc địa địa chính”, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP.HCM [4] Nguyễn Trọng San (2001), Bài giảng “Đo Đạc Địa Chính”, Trường Đại học Mở Địa Chất, Hà Nội. [5] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014), Thông tư 25/2014/TT-BTNMT Quy định về bản đồ địa chính, Hà Nội
13	LAND 013	Kỹ thuật và công nghệ giám sát đất đai	Tài liệu bắt buộc

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Tài liệu tham khảo
			[1] Bài giảng <i>Kỹ thuật và công nghệ giám sát đất đai</i>. Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường TP.HCM, 2021. Tài liệu tham khảo [2] Võ Quang Minh, Huỳnh Thị Thu Hương, Phan Kiều Diễm. <i>Giáo trình viễn thám ứng dụng</i>. NXB Đại học Cần Thơ, 2014. [3] Phạm Văn Cự, Ferdinand Bonn. <i>Viễn thám radar: Một số khái niệm cơ bản</i>, Nhà xuất bản Đại học Khoa học tự nhiên Hà Nội, 2006. [4] Lê Văn Trung . <i>Viễn thám</i>, Nhà xuất bản Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2005. [5] Nguyễn Ngọc Thạch. <i>Cơ sở viễn thám</i>. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2005. [6] https://sentinel.esa.int/web/sentinel/home. [7] https://earthexplorer.usgs.gov. [8] https://landsat.gsfc.nasa.gov. [9] Thông tư 35/2014/TT-BTNMT về điều tra, đánh giá đất đai.
14	LAND 014	Hệ thống định vị toàn cầu và ứng dụng trong quản lý đất đai	Tài liệu bắt buộc [1]. Đỗ Ngọc Đường, Đặng Nam Chinh, <i>Định vị vệ tinh</i>, NXB Giao thông – Vận tải, 2005. Tài liệu tham khảo [2]. Nguyễn Ngọc Lâu, <i>Bài giảng Định vị vệ tinh GPS</i>, Trường ĐH Bách Khoa TP.HCM, 2011. [3]. Alfred Leick, <i>GPS Satellite Surveying</i>, Thrid Edition, John Wiley and Sons, 2004.
15	LAND 015	Hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	Tài liệu bắt buộc [1] Ramanathan Sugumaran, John DeGroote. <i>Spatial Decision Support Systems: Principles and Practices</i>. CRC Press. 2011 [2] Quốc hội Việt Nam. Luật Đất đai 2013 [3] Quốc hội Việt Nam. Luật Quy hoạch 2017 [4] Efraim Turban, Jay E. Aronson, Ting-Peng Liang, and Richard V. McCarthy. <i>Decision Support Systems and Intelligent Systems</i>, Seventh Edition. Prentice Hall. 2006. Tài liệu tham khảo [5] The Federal Geodetic Control Committee. <i>Multipurpose Land Information Systems: The Guidebook</i>. 1997
16	LAND 016	Mô hình hoá trong quy hoạch đất đai đô thị và nông thôn	Tài liệu bắt buộc [1] Hoang Huu Phe and Wakely P.(2000): “Status, Quality and the Other Trade y and the Other Trade-Off: Towards a Off: Towards a New Theory of Urban Residential Location”, in New

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Tài liệu tham khảo
			Theory of Urban Residential Location”, in Urban Studies Studies, Vol.37, No.1, Taylor & Francis. [2] Verburg, P. H., & Overmars, K. P. (2007). Dynamic Simulation of Land-Use Change Trajectories with the Clue-S Model. In E. Koomen, J. Stillwell, A. Bakema, & H. Scholten (Eds.), Modelling Land-Use Change (Vol. 90, pp. 321–337). Springer Netherlands. Tài liệu tham khảo [3] Alonso W. (1964): Location and Land Use, Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts. [4] Fujita, M. (1989): Urban Economic Theory, Land Use and City Size, Cambridge: Cambridge University Press. [5] Von Thunen , J. H. (1826) Der Isolierte Staat in Beziehung auf Landwirtschaft und National Ekonomie, Hamburg. English translation, C.M. Wartenburg (1966) Von Thunen’s Isolated State, ed. P.G. H. [6] D. Malkinson et al. (eds.), Modeling of Land-Use and Ecological Dynamics, Cities and Nature. Springer-Verlag Berlin Heidelberg 2013.
17	LAND 017	Phát triển đất đai	Tài liệu bắt buộc [1]Nguyễn Đình Bồng, Quản lý đất đai ở Việt Nam, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2021
18	LAND 018	Quản lý dịch quyền đất đai trong phát triển kinh tế - xã hội	Tài liệu bắt buộc [1] Bài giảng Dịch quyền đất đai, Trường đại học Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM (tài liệu lưu hành nội bộ), 2021. Tài liệu tham khảo [2] Nguyễn Thành Luân, 2018, Bản chất pháp lý của quyền sử dụng đất ở Việt Nam, https://tapchitoaan.vn [3] Lê Thị Luyến, Thử chế hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền sở hữu tài sản, 2020, https://tcdcpl.moj.gov.vn [4] Luật đất đai 2013, Quốc hội 13, 2013 và các văn bản hướng dẫn. [5] Luật đất đai 2003, Quốc hội 11, 2003 và các văn bản hướng dẫn. [6] Luật đất đai 1993, Quốc hội 9, 1993 và các văn bản hướng dẫn.
19	LAND 019	Đánh giá định tính và định lượng đất đai	Tài liệu bắt buộc [1]. Đất Việt Nam. Hội Khoa học đất Việt Nam, NXB Nông nghiệp 2000, 411 tr. [2]. Vũ Cao Thái và CTV. Điều tra, đánh giá tài nguyên đất đai theo phương pháp FAO/UNESCO và qui hoạch sử dụng đất trên địa bàn một tỉnh. NXB Nông nghiệp, 1997. 214 trang. Tài liệu tham khảo

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Tài liệu tham khảo
			[3]. Trần Kông Tấu. Tài nguyên đất. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006. [4]. Lê Huy Bá. Sinh thái môi trường đất. NXB Đại học Quốc gia TPHCM, 2001. [5]. Đất Đông Nam Bộ. Phan Liêu, NXB Nông nghiệp 1992, 150 tr.
20	LAND 020	Hệ hỗ trợ định giá đất đai	Tài liệu bắt buộc [1] Trần Thanh Hùng, 2020. Hệ hỗ trợ định giá đất đai, Tài liệu lưu hành nội bộ Khoa Quản lý đất đai - Trường Đại học TN&MT TP.HCM. Tài liệu tham khảo [2] Dan Ariely, 2009. Phi lý trí: Khám phá những động lực vô hình ẩn sau những quyết định của con người, NXB Lao động - Xã hội. [3] Tôn Gia Huyền, Nguyễn Đình Bồng, (2006). Quản lý Đất đai và Thị trường bất động sản, NXB Bản đồ, Hà Nội. [4] Trần Thanh Hùng, 2013. Lí thuyết Vị thế - Chất lượng: Triển vọng mô hình hóa toán học và cầu nối giữa kinh tế học hành vi và kinh tế học tân cổ điển, Tập san HTKH, Trường ĐHXD Hà Nội. [5] Trần Thanh Hùng, 2016. Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ định giá đất ứng dụng công nghệ WebGIS mã nguồn mở - Đề tài KHCN cấp Bộ TNMT, Mã số: TNMT.01.36. [6] Trần Thanh Hùng, 2019. Giải pháp công nghệ xây dựng bản đồ giá đất. Tạp chí Tài nguyên và Môi trường (số 16, tháng 8/2019). [7] Trần Thanh Hùng, 2019. Xây dựng bản đồ giá đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang - Đề tài KHCN cấp Tỉnh, Mã số: ĐTCN 09/17. [8] Trần Thanh Hùng, 2020. Kinh tế đất đai, Tài liệu lưu hành nội bộ Khoa Quản lý đất đai - Trường Đại học TN&MT TP.HCM. [9] Lê Đình Thắng, (2002). Nguyên lý thị trường nhà đất, NXB Chính trị Quốc gia. [10] Neil J. Smelser, 1989. Cái hợp lý và tình cảm hai chiều trong khoa học xã hội, American Sociological Review, Vol. 63, No.1 Feb 1998, pp 1-16, (Bản dịch của Bùi Thế Cường). [11] Việt Phương, (1998). Các học thuyết của nền kinh tế thị trường, NXB Khoa học và Kỹ thuật. [12] Hoàng Hữu Phê và Patrick Wakely, 2000. Vị thế, chất lượng và sự lựa chọn khác: Tiến tới một Lí thuyết mới về Vị trí Dân cư Đô thị, Tạp chí Đô thị học (Urban Studies) xuất bản tại Vương quốc Anh, Vol. 37, No. 1, January 2000.
21	LAND 021	Hệ thống đăng ký đất đai	Tài liệu bắt buộc

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Tài liệu tham khảo
			[1] Bài giảng <i>Hệ thống đăng ký đất đai</i>. Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường TP.HCM, 2021. Tài liệu tham khảo [2] <i>Sở Giáo dục Đào tạo Hà Nội, Giáo trình Đăng ký thống kê đất đai, Nhà xuất bản Hà Nội, năm 2005</i> [3] <i>Đặng Anh Quân, Hệ thống đăng ký đất đai theo pháp luật đất đai Việt Nam và Thụy Điển. Trường Đại học Luật TP.HCM, 2011.</i> [4] <i>Luật đất đai 2013, Quốc hội 13, 2013 và các văn bản hướng dẫn.</i> [5] <i>Luật đất đai 2003, Quốc hội 11, 2003 và các văn bản hướng dẫn.</i> [6] <i>Luật đất đai 1993, Quốc hội 9, 1993 và các văn bản hướng dẫn.</i>
22	LAND 022	Hệ thống kiểm kê đất đai	Tài liệu bắt buộc [1]. <i>Bài giảng Kiểm kê đất đai</i>, Khoa Quản lý đất đai, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM [2]. Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Tài liệu tham khảo [3]. Luật đất đai 2013. [4]. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2013.
23	LAND 023	Hệ thống giám sát đất đai	Tài liệu bắt buộc [1] Khoa quản lý đất đai, <i>Bài giảng giám sát đất đai</i>, lưu hành nội bộ. [2] Sally P. Marsh, T. Gordon MacAulay và Phạm Văn Hùng, <i>Phát triển nông nghiệp và chính sách đất đai ở Việt Nam</i>, Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế của Ôx-trây-lia 2007. Tài liệu tham khảo [3] Thông tư 33/2011/TT-BTNMT ngày 01 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường đất. [4] Thông tư 14/2012/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy định kỹ thuật điều tra thoái hóa đất. [5] Thông tư 35/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định việc điều tra, đánh giá đất đai. [6] Thông tư 18/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Tài liệu tham khảo
			kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh, nước mặt lục địa, đất, nước dưới đất, nước mưa axit, nước biển, khí thải công nghiệp và phóng xạ. [7] Thông tư 60/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai [8] Thông tư 71/2015/TT-BTNMT ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định kỹ thuật đặt chụp ảnh viễn thám.
24	LAND 024	Hệ thống tài chính đất đai	Tài liệu bắt buộc [1]. <i>Bài giảng Hệ thống Tài chính đất đai</i>, Khoa Quản lý đất đai, trường đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh. [2]. Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn [3]. Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2010 và văn bản hướng dẫn thi hành. [4]. Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993 và văn bản hướng dẫn thi hành. Tài liệu tham khảo [5]. Nguyễn Đình Bồng, Pháp luật đất đai Việt Nam (1980-2020) khảo cứu & bình luận, NXB Tri thức, 2021. [6]. Trương Huỳnh Thắng, Hỏi đáp pháp luật về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, NXB Chính trị Quốc gia, 2012
25	LAND 025	Hệ thống pháp luật đất đai	Tài liệu bắt buộc [1]. <i>Giáo trình Luật Đất đai</i>. Trường ĐH Luật TP.HCM, 2019. [2]. Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Tài liệu tham khảo [3]. Phan Trung Hiền. <i>Pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai</i>, NXB. Đại học Cần Thơ, 2016. [4]. Phan Trung Hiền. <i>Những điều cần biết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</i>, NXB. Chính trị quốc gia sự thật, 2018. [5]. https://tapchikhplvn.hcmulaw.edu.vn. [6]. http://www.lapphap.vn/Pages/trangchu.aspx. [7]. https://thanhtra.gov.vn/ket-luan-thanh-tra.
26	LAND 026	Hệ thống quy hoạch đất đai	Tài liệu bắt buộc [1] Giáo trình Thiết kế quy hoạch sử dụng đất đai - Khoa Quản lý đất đai, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh. 2014.

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Tài liệu tham khảo
			[2] Thông tư 01/2021/TT-BTNMT kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tài liệu tham khảo: [3] Land use planning. FAO. 1991. [4] Guidelines for land use planning. FAO. 1993. [5] Luật đất đai 2013. [6] Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14.
27	LAND 027	Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của chính sách đất đai	Tài liệu bắt buộc [1] Bài giảng chính sách Đất đai. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. [2] Giáo trình Kinh tế tài nguyên Đất. Đỗ Thị Lan và Đỗ Anh Tài. Nhà Xuất bản Nông nghiệp. 2007. [3] Giáo trình Luật Đất đai. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh. 2020. [4] Giáo trình Quản lý Nhà nước về Đất đai, Nguyễn Khắc Thái Sơn. Nhà Xuất bản Nông nghiệp. 2007. Tài liệu tham khảo [5] Nguyễn Hưng Quang, Đánh giá tác động chính sách, Bộ Tư pháp 2018. [6] Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015. [7] Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy (2009), dự báo và phân tích dữ liệu trong kinh tế và tài chính, nhà xuất bản thống kê, thành phố Hồ Chí Minh.
28	LAND 028	Hệ thống quan trắc chất lượng đất đai	Tài liệu bắt buộc [1] Land Monitoring Forum, 2009. Land and Soil Monitoring: A guide for SoE and regional council reporting, Published by the Land Monitoring Forum, New Zealand, pp 178. [2] Inyang H.I, Daniels J. L., 2009. Environmental Monitoring, Vol. II, Encyclopedia of Life Support Systems, EOLSS Publications, Oxford, pp 470. Soil contamination monitoring, 148-175. [3] Kibblewhite M.G., Jones R.J.A., Montanarella L., Baritz R., Huber S., Arrouays D., Micheli E., Stephens M., 2008. Environmental Assessment of Soil for Monitoring, Volume VI: Soil Monitoring System for Europe, EU, Italy. [4] FAO and UNEP. 2021. Global assessment of soil pollution - Summary for policy makers. Rome, FAO. https://doi.org/10.4060/cb4827en. Tài liệu tham khảo: [5] Luật Bảo vệ Môi trường 2020 (Luật số 72/2020/QH14). [6] Luật Đất đai 2013 (Luật số: 45/2013/QH13).

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Tài liệu tham khảo
			[7] Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. [8] Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai [9] USDA (United States Department of Agriculture), 2009. Forest Soil Disturbance [10] Monitoring Protocol Volume I: Rapid Assessment, Gen. Tech. Report WO-82a. [11] Forest Soil Disturbance Monitoring Protocol Volume II: Supplementary Methods, Statistics, and Data Collection, Gen. Tech. Report WO-82b. [12] Workshop Proceedings, 2008. Scientific Background for Soil Monitoring on National Forests and Rangelands, Denver, Colorado.
29	LAND 029	Đất đai và hoạt động khoáng sản	Tài liệu bắt buộc [1] [GT1] Hồ Sỹ Giao Hoạt động khoáng sản và bảo vệ môi trường NXB Khoa học Kỹ thuật 2010. Tài liệu tham khảo: [2] Luật khoáng sản.
30	LAND 030	Đất đai và nông nghiệp hữu cơ	Tài liệu bắt buộc [1] Bài giảng của TS. Bùi Thị Thu Hà – <i>Đất đai & Nông nghiệp hữu cơ</i>, Khoa Quản lý đất đai, trường Đại học Tài nguyên & Môi trường TP.HCM, tháng 10 năm 2021. Tài liệu tham khảo [2] Nguyễn Thế Đặng, Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Đức Nhuận, Nguyễn Thị Mão - <i>Giáo trình Nông nghiệp hữu cơ</i>. NXB Nông nghiệp, 2012. [3] Foodlink - <i>Các tiêu chuẩn cơ bản sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, phong trào nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam</i>, 2019. [4] Nguyễn Văn Bộ - <i>Vô cơ hóa hay hữu cơ hóa nông nghiệp ở Việt Nam?</i>, Tạp chí Khoa học & Công nghệ VN, 2020. [5] Nguyễn Như Hiền, Nguyễn Như Át – <i>Công nghệ sinh học & Ứng dụng vào phát triển nông nghiệp nông thôn</i>, NXB Thanh niên, 2001.

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Tài liệu tham khảo
			[6] Araujo ASF, Leite LFC, Santos VB and Carneiro RFV - <i>Soil microbial activity in conventional organic agricultural systems. Sustainability</i>, 1, 268-276, 2009. [7] TCVN 11041-1:2017, Nông nghiệp hữu cơ. [8] FAO - Organic Agriculture at FAO-Country profiles and Statistics, 2011.

3.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

Bảng 3.3. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên		Khoa / Bộ môn quản lý
				GV1	GV2	
1	GEN 001	Triết học	4	TS. Nguyễn Quốc Vinh	Ths. Đặng Hoàng Vũ	Quản lý đất đai
2	GEN 002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	TS. Trần Thanh Hùng		Quản lý đất đai
3	LAND 003	Cơ sở quản lý đất đai trong điều kiện bất định	2	TS. Trần Thanh Hùng		Quản lý đất đai
4	LAND 004	Tài nguyên đất đai	2	GS.TSKH. Phan Liêu		Quản lý đất đai
5	LAND 005	Kinh tế đất đai	2	TS. Trần Thanh Hùng		Quản lý đất đai
6	LAND 006	Sử dụng đất đai thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	2	PGS.TS. Đinh Thị Nga		Quản lý đất đai
7	LAND 007	Chính sách đất đai	2	PGS.TS. Phan Trung Hiền		Quản lý đất đai
8	LAND 008	Quy hoạch đất đai	2	TS. Nguyễn Hữu Cường		Quản lý đất đai
9	LAND 009	Ô nhiễm môi trường và sử dụng đất đai	2	PGS.TS. Nguyễn Đình Tuấn		Quản lý đất đai
10	LAND 010	Phân tích thống kê	2	TS. Võ Thị Tuyết Mai		Quản lý đất đai

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên		Khoa / Bộ môn quản lý
				GV1	GV2	
		trong quản lý đất đai				
11	LAND 011	Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu	2	PGS.TS. Vũ Xuân Cường		Quản lý đất đai
12	LAND 012	Kỹ thuật và công nghệ quản lý đất đai	2	TS. Lê Văn Tình		Quản lý đất đai
13	LAND 013	Kỹ thuật và công nghệ giám sát đất đai	2	TS. Nguyễn Huy Anh		Quản lý đất đai
14	LAND 014	Hệ thống định vị toàn cầu và ứng dụng trong quản lý đất đai	2	TS. Đỗ Minh Tuấn		Quản lý đất đai
15	LAND 015	Hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2	TS. Trần Thống Nhất		Quản lý đất đai
16	LAND 016	Mô hình hoá trong quy hoạch đất đai đô thị và nông thôn	2	TS. Hoàng Hữu Phê		Quản lý đất đai
17	LAND 017	Phát triển đất đai	2	TS. Võ Quốc Khánh		Quản lý đất đai
18	LAND 018	Quản lý dịch quyền đất đai trong phát triển kinh tế - xã hội	2	TS. Trần Thanh Hùng		Quản lý đất đai
19	LAND 019	Đánh giá định tính và định lượng đất đai	2	TS. Nguyễn Hữu Cường		Quản lý đất đai
20	LAND 020	Hệ hỗ trợ định giá đất đai	2	TS. Trần Thanh Hùng		Quản lý đất đai
21	LAND 021	Hệ thống đăng ký đất	2	TS. Trần Thanh Hùng		Quản lý đất đai

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên		Khoa / Bộ môn quản lý
				GV1	GV2	
		đại				
22	LAND 022	Hệ thống kiểm kê đất đai	2	TS. Trần Thanh Hùng		Quản lý đất đai
23	LAND 023	Hệ thống giám sát đất đai	2	TS. Nguyễn Huy Anh		Quản lý đất đai
24	LAND 024	Hệ thống tài chính đất đai	2	TS. Trần Thanh Hùng		Quản lý đất đai
25	LAND 025	Hệ thống pháp luật đất đai	2	TS. Trần Thanh Hùng		Quản lý đất đai
26	LAND 026	Hệ thống quy hoạch đất đai	2	TS.GVC. Nguyễn Hữu Cường		Quản lý đất đai
27	LAND 027	Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của chính sách đất đai	2	TS. Nguyễn Văn Anh	TS.GVC. Nguyễn Hữu Cường	Quản lý đất đai
28	LAND 028	Hệ thống quan trắc chất lượng đất đai	2	PGS.TS. Thái Phương Vũ		Quản lý đất đai
29	LAND 029	Đất đai và hoạt động khoáng sản	2	PGS.TS. Hoàng Thị Thanh Thủy		Quản lý đất đai
30	LAND 030	Đất đai và nông nghiệp hữu cơ	2	TS. Bùi Thị Thu Hà		Quản lý đất đai
31	LAND 031	Tham quan thực tế	1			Quản lý đất đai
32	LAND 032	Hội thảo đề cương	1			Quản lý đất đai
33	LAND 033	Hội thảo kết quả	1			Quản lý đất đai
34	LAND 034	Luận văn Thạc sĩ	9			Quản lý đất đai

4. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, HỌC TẬP

Học tập chủ động, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tình

huống... nhằm tăng cường khả năng tự học của học viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp, phương châm học tập suốt đời.

4.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên giảng dạy chương trình thạc sỹ Quản lý đất đai cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ các dạng học phần mà mình tham gia giảng dạy (học phần lý thuyết hay thực hành, học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp;

- Nắm rõ các phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học tích hợp,...);

- Hiểu rõ học viên trong lớp;

- Hiểu rõ về các chính sách trong học tập;

- Giảng viên cần chuẩn bị giáo trình, bài giảng, đề cương chi tiết học phần, các slide trình chiếu, lịch trình dạy học, kế hoạch dạy học và thông báo cho học viên.

4.2. Các phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập của chương trình đào tạo Thạc sỹ ngành Quản lý đất đai học được thực hiện theo các định hướng sau đây:

a) Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học viên; tránh áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung bồi dưỡng năng lực tự chủ và tự học để học viên có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn tri thức, tiếp tục phát triển các phẩm chất, năng lực sau khi tốt nghiệp.

b) Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn; khuyến khích và tạo điều kiện cho học viên được trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở tổ chức cho học viên tham gia các hoạt động học tập, tìm tòi, khám phá, vận dụng.

c) Vận dụng các phương pháp dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học viên và điều kiện cụ thể. Tùy theo yêu cầu cần đạt, giảng viên có thể sử dụng phối hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau.

Các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại, ...) được sử dụng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học viên. Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đề cao vai trò chủ thể học tập của học viên (dạy học thực hành, dạy học nêu và giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, dạy học theo trải nghiệm, khám phá, dạy học bằng tình huống, ... với những kỹ thuật dạy học phù hợp).

d) Các hình thức tổ chức dạy học được thực hiện một cách đa dạng và linh hoạt; kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở giảng đường, học theo dự án học tập, tự học, ... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học. Coi trọng các nguồn học liệu là giáo trình chính và tài liệu tham khảo thêm đã được giảng viên trang bị; cần khai thác triệt để những lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học trên các phương tiện kho tri thức - đa phương tiện, tăng cường sử dụng các tư liệu điện tử.

Các phương pháp giảng dạy tích cực:

- *PP1. Phương pháp thuyết trình*: giúp học viên đạt CDR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kỹ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

- *PP2. Phương pháp động não*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy sáng tạo và giải pháp và đề xuất;

- *PP3. Phương pháp Suy nghĩ – Tình cảm – Chia sẻ*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về cấu trúc giao tiếp; tư duy suy xét, phản biện;

- *PP4. Phương pháp học dựa trên vấn đề*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết;

- *PP5. Phương pháp hoạt động nhóm*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

- *PP6. Phương pháp đóng vai*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy suy xét, phản biện, nhận biết về kiến thức, kỹ năng và thái độ cá nhân của bản thân;

- *PP7. Phương pháp học dựa vào dự án*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về lập giả thuyết, kỹ năng thiết kế các công trình xử lý môi trường, triển khai, kỹ năng giao tiếp bằng viết, kỹ năng thuyết trình;

- *PP8. Phương pháp mô phỏng*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng mô hình hóa trong dự đoán lan truyền ô nhiễm trong môi trường; kỹ năng thử nghiệm khảo sát; giao tiếp đồ họa;

- *PP9. Nghiên cứu tình huống*: giúp đạt được chuẩn đầu ra về đề ra các giải pháp, ước lượng và phân tích định tính.

Bảng 4.1. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (ELOs) và các phương pháp giảng dạy – học tập

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra (ELOs)														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
1. Phương pháp thuyết trình	H	H	L	M	L	-	-	-	L	-	-	-	M	M	M
2. Phương pháp động não	H	L	M	M	H	H	M	-	-	H	L	L	L	L	L
3. Phương pháp Suy nghĩ – Tùng cặp – Chia sẻ	M	L	M	M	H	M	M	-	-	H	M	M	L	L	L
4. Phương pháp học dựa trên vấn đề	M	L	H	H	M	H	H	L	L	H	M	M	M	M	M
5. Phương pháp hoạt động nhóm	M	L	M	M	M	H	H	L	-	H	H	H	M	M	M
6. Phương pháp đóng vai	L	-	M	M	L	H	H	L	L	H	M	M	M	M	M
7. Phương pháp học dựa vào dự án	M	L	H	H	M	H	H	M	-	H	H	H	H	H	H
8. Phương pháp mô phỏng	L	-	H	H	L	H	H	H	-	M	M	M	M	M	M
9. Nghiên cứu tình huống	M	M	H	H	M	H	H	M	L	H	M	M	H	H	H

4.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho tốt hơn, và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

- Có nhiều hình thức giúp đỡ hỗ trợ học viên yếu trong việc học, đồng thời tăng cường thời gian làm bài tập, thực hành, thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

- Các học phần của chương trình đào tạo đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của học viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức, trách nhiệm của giảng viên phụ trách học phần.

5. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

5.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Bảng 5.1: Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức chung	6	0
2	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	18	24
2.1	Môn học cơ sở ngành	8	0
2.2	Môn học chuyên ngành	10	24
3	Khối kiến thức tốt nghiệp	12	0
Tổng cộng (*)		36	24
		60	

Mô tả vắn tắt từng khối kiến thức

- Khối kiến thức chung: 06 tín chỉ bắt buộc.

- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 42 tín chỉ. Trong đó:

+ Môn học cơ sở ngành: 8 tín chỉ bắt buộc.

+ Môn học chuyên ngành: 34 tín chỉ. Gồm:

- Bắt buộc: 10 tín chỉ;

- Tự chọn: 24/38 tín chỉ (24 tín chỉ tự chọn để học trong tổng số 38 tín chỉ tự chọn). Trong đó: Thực tập nghề nghiệp 8/24 tín chỉ (8 tín chỉ trong tổng số 24 tín chỉ tự chọn).

- Khối kiến thức tốt nghiệp: 12 tín chỉ bắt buộc.

+ Tham quan thực tế: 1 tín chỉ.

+ Hội thảo đề cương: 1 tín chỉ.

+ Hội thảo kết quả: 1 tín chỉ.

+ Luận văn Thạc sỹ: 9 tín chỉ.

Tổng khối lượng: 60 tín chỉ

5.2. Ma trận quan hệ giữa các khối kiến thức và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ELOs)

Bảng 5.2: Ma trận quan hệ giữa các khối kiến thức và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ELOs)

Khối kiến thức	Số TC	Tỷ lệ %	Chuẩn đầu ra (ELOs)														
			ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
1. Khối kiến thức chung	6	10	H	L	L	L	M	L	L	L	L	M	M	M	L	L	L
2. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	42	70	M	H	H	H	H	H	H	H	M	M	M	M	H	H	H
3. Khối kiến thức tốt nghiệp	12	20	L	M	H	H	M	H	H	M	L	M	M	M	H	H	H

(H: High – Đóng góp cao, M: Medium – Đóng góp trung bình, L: Low – Đóng góp thấp)

5.3. Danh sách các học phần trong chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT: Lý thuyết;

- TH, BT, TT, ĐA, BTL: Thực hành, Bài tập, Thực tập, Đồ án, Bài tập lớn

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp		Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT/ TH				
Khối kiến thức chung (6TC)										
Môn bắt buộc										
1	GEN 001	Triết học	1	4	3	1				
2	GEN 002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	1	2	2/3	1/3				
Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành (42 TC)										
Môn học cơ sở ngành bắt buộc (8 TC)										

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp		Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT/ TH				
3	LAND 003	Cơ sở quản lý đất đai trong điều kiện bất định	1	2	2/3	1/3				
4	LAND 004	Tài nguyên đất đai	1	2	2/3	1/3				
5	LAND 005	Kinh tế đất đai	1	2	2/3	1/3				
6	LAND 006	Sử dụng đất đai thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	1	2	2/3	1/3				
Môn học chuyên ngành bắt buộc (10 TC)										
7	LAND 007	Chính sách đất đai	1	2	2/3	1/3				
8	LAND 008	Quy hoạch đất đai	2	2	2/3	1/3				
9	LAND 009	Ô nhiễm môi trường và sử dụng đất đai	2	2	2/3	1/3				
10	LAND 010	Phân tích thống kê trong quản lý đất đai	2	2	2/3	1/3				
11	LAND 011	Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu	2	2	2/3	1/3				
Môn học chuyên ngành tự chọn (24/38TC)										
12	LAND 012	Kỹ thuật và công nghệ quản lý đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
13	LAND 013	Kỹ thuật và công nghệ giám sát đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
14	LAND 014	Hệ thống định vị toàn cầu và ứng dụng trong quản lý đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
15	LAND 015	Hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
16	LAND 016	Mô hình hoá trong quy hoạch đất đai đô thị và nông thôn	2-3	2	2/3		1/3			
17	LAND 017	Phát triển đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
18	LAND 018	Quản lý dịch quyền đất đai trong phát	2-3	2	2/3		1/3			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp		Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT/ TH				
		triển kinh tế - xã hội								
19	LAND 019	Đánh giá định tính và định lượng đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
20	LAND 020	Hệ hỗ trợ định giá đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
21	LAND 021	Hệ thống đăng ký đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
22	LAND 022	Hệ thống kiểm kê đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
23	LAND 023	Hệ thống giám sát đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
24	LAND 024	Hệ thống tài chính đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
25	LAND 025	Hệ thống pháp luật đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
26	LAND 026	Hệ thống quy hoạch đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
27	LAND 027	Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của chính sách đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
28	LAND 028	Hệ thống quan trắc chất lượng đất đai	2-3	2	2/3		1/3			
29	LAND 029	Đất đai và hoạt động khoáng sản	2-3	2	2/3		1/3			
30	LAND 030	Đất đai và nông nghiệp hữu cơ	2-3	2	2/3		1/3			

Trong đó: Thực tập nghề nghiệp (8/24 TC)

Khối kiến thức tốt nghiệp (12 TC)

31	LAND 031	Tham quan thực tế	4	1			1			
32	LAND 032	Hội thảo đề cương	4	1		1				
33	LAND 033	Hội thảo kết quả	4	1		1				
34	LAND 034	Luận văn Thạc sĩ	4	9		9				

5.4. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ELOs)

TT	Học phần		Học kỳ	Số TC	Chuẩn đầu ra (ELOs)															Ghi chú
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Khối kiến thức chung																			
1	GEN 001	Triết học	1	4	H	H	-	H	H	-	-	-	-	-	-	L	-	-	-	
2	GEN 002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	1	2	H	H	-	H	H	-	-	-	-	H	-	-	H	-	-	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành (42 TC)																			
	Môn học cơ sở ngành bắt buộc (8 TC)																			
3	LAND 003	Cơ sở quản lý đất đai trong điều kiện bất định	1	2	H	H	-	H	-	H	H	-	-	-	H	-	H	-	-	
4	LAND 004	Tài nguyên đất đai	1	2	H	H	H	H	H	H	H	-	-	M	H	H	H	H	M	
5	LAND 005	Kinh tế đất đai	1	2	-	M	-	M	-	M	M	-	-	M	M	-	M	-	-	
6	LAND 006	Sử dụng đất đai thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	1	2	L	H	H	H	H	M	H	M	M	H	H	H	H	H	M	
	Môn học chuyên ngành bắt buộc (10 TC)																			
7	LAND 007	Chính sách đất đai	1	2	M	H	H	H	M	H	H	-	-	H	H	H	H	M	L	
8	LAND 008	Quy hoạch đất đai	2	2	M	H	H	H	M	H	M	M	M	H	H	H	H	H	M	
9	LAND 009	Ô nhiễm môi trường và sử dụng đất đai	2	2	M	H	H	M	H	H	M	M	L	H	H	H	H	H	M	
10	LAND 010	Phân tích thống kê trong quản lý đất đai	2	2	M	H	M	H	H	H	L	L	L	H	H	M	H	H	H	
11	LAND 011	Cơ sở dữ liệu đất đai đa	2	2	-	M	H	H	H	M	H	H	-	-	-	-	-	-	-	

TT	Học phần		Học kỳ	Số TC	Chuẩn đầu ra (ELOs)															Ghi chú
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
		mục tiêu																		
	Môn học chuyên ngành tự chọn (24/38TC)																			
12	LAND 012	Kỹ thuật và công nghệ quản lý đất đai	2-3	2	-	-	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	
13	LAND 013	Kỹ thuật và công nghệ giám sát đất đai	2-3	2	H	H	H	M	M	H	M	H	M	H	H	H	H	H	H	
14	LAND 014	Hệ thống định vị toàn cầu và ứng dụng trong quản lý đất đai	2-3	2	-	H	H	H	M	H	H	-	-	-	M	-	M	-	-	
15	LAND 015	Hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2-3	2	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	
16	LAND 016	Mô hình hoá trong quy hoạch đất đai đô thị và nông thôn	2-3	2	-	H	-	-	H	H	-	-	-	-	-	-	M	-	H	
17	LAND 017	Phát triển đất đai	2-3	2	H	H	H	H	M	M	H	-	-	H	M	M	H	H	M	
18	LAND 018	Quản lý dịch quyền đất đai trong phát triển kinh tế - xã hội	2-3	2	M	H	H	H	M	M	M	-	-	H	H	H	H	M	L	
19	LAND 019	Đánh giá định tính và định lượng đất đai	2-3	2	H	H	H	H	H	H	H	-	-	L	H	H	H	H	M	
20	LAND 020	Hệ hỗ trợ định giá đất đai	2-3	2	H	M	H	H	L	L	L	-	-	-	-	-	-	-	-	
21	LAND 021	Hệ thống đăng ký đất đai	2-3	2	M	M	H	H	-	H	H	-	-	-	-	H	H	H	-	
22	LAND 022	Hệ thống kiểm kê đất đai	2-3	2	M	H	H	M	M	H	H	-	-	H	H	H	H	M	-	
23	LAND 023	Hệ thống giám sát đất đai	2-3	2	-	M	H	H	H	H	H	-	-	H	M	M	H	M	H	

TT	Học phần		Học kỳ	Số TC	Chuẩn đầu ra (ELOs)															Ghi chú
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
24	LAND 024	Hệ thống tài chính đất đai	2-3	2	M	H	H	M	-	H	H	-	-	H	H	H	M	M	-	
25	LAND 025	Hệ thống pháp luật đất đai	2-3	2	H	H	H	H	H	H	H	L	L	M	M	H	H	H	L	
26	LAND 026	Hệ thống quy hoạch đất đai	2-3	2	H	H	H	H	M	H	H	H	L	H	H	H	M	H	H	
27	LAND 027	Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của chính sách đất đai	2-3	2	H	H	H	H	H	H	H	L	L	H	H	H	H	H	H	
28	LAND 028	Hệ thống quan trắc chất lượng đất đai	2-3	2	H	M	M	M	H	H	H	L	L	M	M	M	H	H	H	
29	LAND 029	Đất đai và hoạt động khoáng sản	2-3	2	H	H	H	H	H	H	H	L	L	H	H	H	H	H	H	
30	LAND 030	Đất đai và nông nghiệp hữu cơ	2-3	2	H	H	H	H	H	H	H	L	L	H	H	H	H	H	H	
	Trong đó: Thực tập nghề nghiệp (8/24 TC)													H	H	H	H	H	H	
	Khối kiến thức tốt nghiệp (12 TC)																			
31	LAND 031	Tham quan thực tế	4	1	L	M	H	H	M	H	H	-	-	H	H	H	M	M	M	
32	LAND 032	Hội thảo đề cương	4	1	H	H	H	H	H	H	H	M	-	M	H	H	H	H	H	
33	LAND 033	Hội thảo kết quả	4	1	H	H	H	H	H	H	H	M	-	M	H	H	H	H	H	
34	LAND 034	Luận văn Thạc sĩ	4	9	H	H	H	H	H	H	H	M	M	H	H	H	H	H	H	
	Tổng số tín chỉ			60																

H: High (có mối liên hệ cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5.5. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ theo học kỳ				Ghi chú
			1	2	3	4	
I	Khối kiến thức chung						
1	GEN 001	Triết học	4				
2	GEN 002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2				
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành (42 TC)						
	Môn học cơ sở ngành bắt buộc (8 TC)						
3	LAND 003	Cơ sở quản lý đất đai trong điều kiện bất định	2				
4	LAND 004	Tài nguyên đất đai	2				
5	LAND 005	Kinh tế đất đai	2				
6	LAND 006	Sử dụng đất đai thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	2				
	Môn học chuyên ngành bắt buộc (10 TC)						
7	LAND 007	Chính sách đất đai	2				
8	LAND 008	Quy hoạch đất đai		2			
9	LAND 009	Ô nhiễm môi trường và sử dụng đất đai		2			
10	LAND 010	Phân tích thống kê trong quản lý đất đai		2			
11	LAND 011	Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu		2			
	Môn học chuyên ngành tự chọn (24/38TC)						
12	LAND 012	Kỹ thuật và công nghệ quản lý đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ theo học kỳ				Ghi chú
			1	2	3	4	
13	LAND 013	Kỹ thuật và công nghệ giám sát đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
14	LAND 014	Hệ thống định vị toàn cầu và ứng dụng trong quản lý đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
15	LAND 015	Hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
16	LAND 016	Mô hình hoá trong quy hoạch đất đai đô thị và nông thôn		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
17	LAND 017	Phát triển đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
18	LAND 018	Quản lý dịch quyền đất đai trong phát triển kinh tế - xã hội		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
19	LAND 019	Đánh giá định tính và định lượng đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
20	LAND 020	Hệ hỗ trợ định giá đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
21	LAND 021	Hệ thống đăng ký đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
22	LAND 022	Hệ thống kiểm kê đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
23	LAND 023	Hệ thống giám sát đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
24	LAND 024	Hệ thống tài chính đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
25	LAND 025	Hệ thống pháp luật đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
26	LAND 026	Hệ thống quy hoạch đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ theo học kỳ				Ghi chú
			1	2	3	4	
27	LAND 027	Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của chính sách đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
28	LAND 028	Hệ thống quan trắc chất lượng đất đai		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
29	LAND 029	Đất đai và hoạt động khoáng sản		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
30	LAND 030	Đất đai và nông nghiệp hữu cơ		2	2		Phân bổ học kỳ 2 hoặc 3
	<i>Trong đó: Thực tập nghề nghiệp (8/24 TC)</i>						
III	Khối kiến thức tốt nghiệp (12 TC)						
31	LAND 031	Tham quan thực tế				1	
32	LAND 032	Hội thảo đề cương				1	
33	LAND 033	Hội thảo kết quả				1	
34	LAND 034	Luận văn Thạc sĩ				9	

5.6. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SỸ NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI			
HỌC KỲ I	HỌC KỲ II - III		HỌC KỲ IV
Bắt buộc (6 TC)	Bắt buộc (18 TC)		Bắt buộc (12 TC)
Triết học (4TC)	Cơ sở quản lý đất đai trong điều kiện bất định (2TC)	Sử dụng đất đai thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường (2TC)	Ô nhiễm môi trường và sử dụng đất đai (2TC)
Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (2TC)	Tài nguyên đất đai (2TC)	Chính sách đất đai (2TC)	Phân tích thống kê trong quản lý đất đai (2TC)
	Kinh tế đất đai (2TC)	Quy hoạch đất đai (2TC)	Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu (2TC)
	Tự chọn (24/38TC)		
	Kỹ thuật và công nghệ quản lý đất đai (2TC)	Quản lý dịch quyền đất đai trong phát triển kinh tế - xã hội (2TC)	Hệ thống tài chính đất đai (2TC)
	Kỹ thuật và công nghệ giám sát đất đai (2TC)	Đánh giá định tính và định lượng đất đai (2TC)	Hệ thống pháp luật đất đai (2TC)
	Hệ thống định vị toàn cầu và ứng dụng trong quản lý đất đai (2TC)	Hệ hỗ trợ định giá đất đai (2TC)	Hệ thống quy hoạch đất đai (2TC)
	Hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai (2TC)	Hệ thống đăng ký đất đai (2TC)	Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của chính sách đất đai (2TC)
	Mô hình hoá trong quy hoạch đất đai đô thị và nông thôn (2TC)	Hệ thống kiểm kê đất đai (2TC)	Hệ thống quan trắc chất lượng đất đai (2TC)
	Phát triển đất đai (2TC)	Hệ thống giám sát đất đai (2TC)	Đất đai và hoạt động khoáng sản (2TC)
			Đất đai và nông nghiệp hữu cơ (2TC)

5.7. Danh sách và mô tả học phần

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
I Khối kiến thức chung					
1	GEN 001	Triết học	Theo chương trình chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.	45/15/0	
2	GEN 002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học quản lý đất đai là một hệ thống lý luận về phương pháp nghiên cứu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý đất đai	20/10/0	
II Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành (42 TC)					
Môn học cơ sở ngành bắt buộc (8 TC)					
3	LAND 003	Cơ sở quản lý đất đai trong điều kiện bất định	Trình bày những kiến thức cơ bản về: (1) Cơ sở lý luận nghiên cứu quản lý đất đai trong điều kiện bất định, bao gồm các nội dung về nguyên lý Bất định và lý thuyết Vị thế - Chất lượng, các ứng dụng trong nghiên cứu quản lý đất đai; (2) Cơ sở lý thuyết quản lý đất đai bao gồm các nội dung về vai trò của nhà nước trong quản lý đất đai, nội dung, phương pháp và cơ chế quản lý nhà nước về đất đai; (3) Tổng quan các hệ thống quản lý đất đai ở một số nước trên thế giới và tìm hiểu chi tiết về hệ thống quản lý nhà nước về đất đai của nước CHXHCN Việt Nam.	20/10/0	
4	LAND 004	Tài nguyên đất đai	Là học phần nền tảng của quản lý đất đai và tài nguyên thiên nhiên bởi lẽ đất đai là tài nguyên thiên nhiên quan trọng bậc nhất không thể thay thế được, và các tài nguyên thiên nhiên khác (khí hậu, nước, sinh vật...) đều liên quan mật thiết với đất. Chỉ trên cơ sở nắm vững kiến thức khoa học đất mới xây dựng được hiểu biết về quản lý nó, phục vụ phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường để phát triển bền vững. Học phần nêu rõ bản thể (the nature), các tính chất (properties), các chức năng (functions) của đất, tập trung giới thiệu các loại đất chính của Việt Nam. Các phương pháp xây dựng bản đồ đất, bản đồ thích nghi đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ nông hóa... cũng được giới thiệu ở chừng mực nhất định nhưng không đi sâu (vì trong chương trình các học phần còn có 02 học phần khác đã có đề cập sâu hơn, đó là môn đánh giá đất đai và quy hoạch sử dụng đất đai).	20/10/0	
5	LAND 005	Kinh tế đất đai	Học phần trình bày các kiến thức kinh tế học và ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề kinh tế sử dụng và quản lý đất đai. Đặc biệt trình bày các kiến thức chuyên sâu vận dụng các quy luật lợi ích biên giảm dần và tăng dần trong việc lý giải sự hình thành giá trị hữu hình và vô hình của đất đai với các hệ lụy liên quan.	20/10/0	
6	LAND 006	Sử dụng đất đai	Tổng hợp, bổ sung và hệ thống hoá các kiến thức	20/10/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	về: (1) Biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, (2) Mối quan hệ giữa sử dụng đất đai với biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, (3) Chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường thông qua quy hoạch tích hợp các yếu tố biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường với sử dụng đất đai.		
Môn học chuyên ngành bắt buộc (10 TC)					
7	LAND 007	Chính sách đất đai	Chính sách đất đai là một học phần thuộc khoa học chính sách, vận dụng một cách tổng hợp các tri thức và phương pháp để nghiên cứu hệ thống chính sách đất đai và quy trình chính sách đất đai, tìm ra thực chất, nguyên nhân và kết quả của chế độ và chính sách quản lý đất đai, cung cấp những kiến thức liên quan đến quản lý đất đai nhằm mục đích cải tiến hệ thống chính sách quản lý đất đai và nâng cao chất lượng của chính sách quản lý đất đai.	20/10/0	
8	LAND 008	Quy hoạch đất đai	Quy hoạch đất đai là học phần chuyên ngành cung cấp những kiến thức nâng cao về lý luận phân vùng sử dụng đất đai làm cơ sở lý luận cho quy hoạch sử dụng đất đai. Học phần cung cấp thực trạng về bản chất của quy hoạch sử dụng đất đai hiện tại mang nặng tính phân loại đất đai và không linh hoạt, cũng như chất lượng của các phương án quy hoạch bắt đầu từ kết quả dự báo sử dụng đất, mức độ phù hợp trong bố trí không gian cho đến cách thức đánh giá các tác động kinh tế, xã hội, môi trường. Từ đó, học phần hỗ trợ học viên đưa ra các giải pháp hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất đai bằng việc điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu sử dụng đất cũng như quy trình thực hiện.	20/10/0	
9	LAND 009	Ô nhiễm môi trường và sử dụng đất đai	Trình bày có hệ thống các kiến thức về ô nhiễm môi trường liên quan đến sử dụng đất đai, các nguồn ô nhiễm, chỉ số ô nhiễm, tải lượng ô nhiễm và phân bố các nguồn ô nhiễm môi trường theo mục đích sử dụng đất đai trong không gian nhằm giảm thiểu ô nhiễm và tăng cường khả năng tái phục hồi môi trường đất.	20/10/0	
10	LAND 010	Phân tích thống kê trong quản lý đất đai	Học phần này trình bày các nội dung từ việc chuẩn bị số liệu cho đến việc phân tích số liệu và biểu diễn kết quả thành báo cáo khoa học. Cụ thể là: (1) Thu thập số liệu, (2) Phân tích số liệu thống kê, (3) Các công cụ toán học và ứng dụng xây dựng mô hình hồi quy trong quản lý đất đai.	20/10/0	
11	LAND 011	Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu	Học phần giới thiệu mô hình hệ thống và các thành phần chính của cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu, trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, một số giải pháp tiêu biểu về cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu bao gồm dữ liệu thuộc tính và dữ liệu không gian, tình hình triển khai	20/10/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			các dự án liên quan đến cơ sở dữ liệu đất đai hiện nay.		
Môn học chuyên ngành tự chọn (24/38TC)					
12	LAND 012	Kỹ thuật và công nghệ quản lý đất đai	Học phần tổng hợp và cập nhật các kiến thức về kỹ thuật công nghệ mới hỗ trợ nghiệp vụ quản lý đất đai. Trước tiên là hệ thống hoá các kiến thức về cơ sở kỹ thuật và công nghệ quản lý đất đai, các phép chiếu, hệ thống tọa độ, lưới tọa độ địa chính... Tiếp theo là nêu các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đo đạc và lập bản đồ phục vụ quản lý đất đai: (1) Sự khác biệt về hệ quy chiếu của các loại bản đồ trong CSDL đất đai, (2) Xử lý sai số giữa các loại bản đồ địa chính, hành chính, hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất đai trong phạm vi ranh giới hành chính các cấp, (3) Cập nhật chỉnh lý bản đồ địa chính. Cuối cùng sẽ bàn về các giải pháp và định hướng giải quyết các vấn đề thực tiễn đo đạc và lập bản đồ trong công tác quản lý đất đai.	20/0/0	
13	LAND 013	Kỹ thuật và công nghệ giám sát đất đai	Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ thuật cơ bản về kỹ thuật viễn thám như khai thác xử lý phân loại ảnh vệ tinh, bay chụp và xử lý ảnh chụp máy bay không người lái UAV kết hợp với hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong giám sát đất đai trên cả ba quy mô - khu vực, quốc gia và vùng lãnh thổ.	20/0/0	
14	LAND 014	Hệ thống định vị toàn cầu và ứng dụng trong quản lý đất đai	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về công nghệ định vị hiện đại bằng hệ thống vệ tinh. Ứng dụng GPS trong điều tra, khảo sát, đánh giá, quy hoạch và quản lý sử dụng đất đai và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác.	20/0/0	
15	LAND 015	Hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	Tổng hợp và cập nhật lý luận về hệ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý và các bài toán ra quyết định trong quản lý đất đai. Từ cơ sở lý luận và yêu cầu thực tiễn quản lý đất đai tiến hành phân tích và xây dựng các mô hình ra quyết định phù hợp với các nội dung quản lý đất đai, cụ thể là đánh giá và định giá đất đai, phân vùng sử dụng đất đai.	20/0/0	
16	LAND 016	Mô hình hoá trong quy hoạch đất đai đô thị và nông thôn	Là học phần chuyên ngành cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình hóa và ý nghĩa của nó trong phân tích thay đổi sử dụng đất đai phục vụ quy hoạch đất đai. Học phần cung cấp hệ thống các lý thuyết nền tảng theo các cách tiếp cận khác nhau làm cơ sở cho việc lựa chọn mô hình thay đổi sử dụng đất đai, trong đó lấy lý thuyết Vị thế - Chất lượng làm cốt lõi. Cấu trúc mô hình thay đổi sử dụng đất đai và các dạng mô hình thay đổi sử dụng đất đai thường được sử dụng phổ biến để mô hình hóa thay đổi về quy mô diện tích và phân bố không gian cũng sẽ được trang bị cho học viên trong học phần này.	20/0/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
17	LAND 017	Phát triển đất đai	Học phần trình bày các kiến thức lý luận và thực tiễn về phát triển đất đai từ góc nhìn xã hội học, kinh tế học và tài chính học tiến tới đồng thuận xã hội, phát triển kinh tế đất đai và hài hoà lợi ích các bên liên quan là người sử dụng đất đai, nhà đầu tư và nhà nước phục vụ cho phát triển đất nước. Cụ thể, là các khối kiến thức về quy trình phát triển quỹ đất đai tuân thủ đúng pháp luật và quy hoạch sử dụng đất đai, định giá đất đai, tính toán các hiệu quả kinh tế - xã hội và tài chính trong đầu tư phát triển đất đai, phương pháp quản lý và vận hành dự án phát triển đất đai.	20/0/0	
18	LAND 018	Quản lý dịch quyền đất đai trong phát triển kinh tế - xã hội	Quản lý dịch quyền đất đai trong phát triển kinh tế - xã hội trình bày những kiến thức cơ bản về quyền của người sử dụng đất và các thay đổi về quyền khi có sự biến động về chủ sử dụng đất đai, mục đích hay hình thức sử dụng đất đai. Học phần được chia thành 3 phần, có nội dung cơ bản là: Hệ thống hóa các quy định về quyền của người sử dụng đất đai; Biến động quyền của người sử dụng đất đai trong thực tiễn và thực trạng quản lý; Định hướng giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công tác quản lý biến động quyền.	20/0/0	
19	LAND 019	Đánh giá định tính và định lượng đất đai	Cung cấp kiến thức về sự nhận định những tính năng của đất đai như một tài nguyên thiên nhiên, kinh tế và sản xuất nhằm mục đích xác định khả năng sản xuất của đất đai với chất lượng và giá trị khác nhau; các kiến thức về nội dung, quy trình thực hiện các phương pháp đánh giá đất đai định tính và định lượng cũng như ưu, nhược điểm mỗi phương pháp, bao gồm các phương pháp theo FAO, xác định trọng số, hồi quy trong nhóm thống kê cũng như ứng dụng khai phá dữ liệu trong đánh giá đất đai với mô hình cây quyết định và mạng nơ-ron nhân tạo. Ngoài ra, các phương pháp đánh giá đất đai định lượng kinh tế và đánh giá đất đai đa mục tiêu cũng được giới thiệu với kết quả làm luận chứng sử dụng đất đai hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp và các lĩnh vực khác.	20/0/0	
20	LAND 020	Hệ hỗ trợ định giá đất đai	Học phần trình bày các kiến thức về mô hình toán học giá đất và cơ sở dữ liệu định giá đất cấu thành hệ hỗ trợ định giá đất phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành về giá đất, cũng như các giải pháp xây dựng cơ sở dữ liệu định giá đất phù hợp với thực tiễn sử dụng và quản lý đất đai tại các địa phương.	20/0/0	
21	LAND 021	Hệ thống đăng ký đất đai	Học phần tổng hợp, có cập nhật bổ sung các kiến thức về hệ thống đăng ký đất đai, vai trò của nó trong quản lý nhà nước về đất đai ở một số nước trên thế giới và tìm hiểu chi tiết về các hệ thống đăng ký đất đai qua các thời kỳ của Việt	20/0/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			Nam, cụ thể là đối tượng đăng ký đất đai, nội dung kỹ thuật và pháp lý, nguyên tắc, cơ chế và thẩm quyền đăng ký đất đai, hồ sơ địa chính trong đăng ký đất đai dạng giấy và dạng số. Các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đăng ký đất đai và các giải pháp giải quyết vấn đề.		
22	LAND 022	Hệ thống kiểm kê đất đai	Cập nhật và hệ thống hoá các kiến thức về lý luận và thực tiễn kiểm kê đất đai. Cụ thể là hệ thống các tiêu chí phân loại đất đai được áp dụng trong công tác kiểm kê đất đai theo đơn vị hành chính các cấp từ cấp xã đến cấp quốc gia; đối tượng, chủ thể, quy trình và phương pháp kiểm kê đất đai; trách nhiệm các bên liên quan là nhà quản lý và người sử dụng đất đai về kết quả kiểm kê đất đai. Từ thực tiễn kiểm kê đất đai tại các địa phương nêu ra các vấn đề tồn đọng và bàn luận các giải pháp giải quyết vấn đề.	20/0/0	
23	LAND 023	Hệ thống giám sát đất đai	Học phần cung cấp kiến thức về lý luận, thực tiễn về hệ thống giám sát đất đai theo cấp độ giám sát và theo vùng chức năng đất đai. Hệ thống giám sát theo cấp độ từ cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện; hệ thống giám sát theo vùng chức năng từ loại hình sử dụng đất, đơn vị đất đai và các khu chức năng đất đai. Trình bày hệ thống các tiêu chí giám sát về số lượng và chất lượng theo mục đích sử dụng đất đai cho từng cấp đơn vị hành chính và cho từng vùng chức năng đất đai, các công cụ viễn thám và quan trắc hỗ trợ giám sát đất đai trong thực tiễn, đề xuất hệ thống tổ chức giám sát đất đai phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất đai có hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội và bền vững về mặt môi trường.	20/0/0	
24	LAND 024	Hệ thống tài chính đất đai	Học phần cập nhật và hệ thống hoá các kiến thức chính sách tài chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, những vấn đề thực tiễn khi thực hiện chính sách tài chính liên quan đến việc thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Học phần có 3 chương: (1) Hệ thống tài chính đất đai; (2) Thực tiễn chính sách tài chính đất đai; (3) Vấn đề và giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính đất đai.	20/0/0	
25	LAND 025	Hệ thống pháp luật đất đai	Trình bày những kiến thức về quy tắc điều chỉnh các hành vi ứng xử của con người khi tham gia vào các quan hệ đất đai. Học phần được thiết kế chia làm 3 phần: (1) Hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật đất đai, (2) Thực trạng thực thi pháp luật đất đai trong quản lý và sử dụng đất đai, (3) Các vấn đề tồn tại và định hướng giải quyết.	20/0/0	
26	LAND 026	Hệ thống quy hoạch đất đai	Hệ thống quy hoạch đất đai là học phần chuyên ngành trang bị cho học viên những kiến thức lý luận về vị trí, mối quan hệ cũng như sự	20/0/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			cần thiết việc tích hợp giữa quy hoạch sử dụng đất đai với những dạng quy hoạch khác trong hệ thống hàng ngang cũng như hàng dọc. Học phần cung cấp thực trạng công tác tích hợp giữa các thành phần trong hệ thống quy hoạch thông qua phân tích cơ chế, phương pháp và hệ thống các chỉ tiêu tích hợp. Xây dựng các chỉ tiêu tích hợp kinh tế - xã hội, môi trường trong quy hoạch sử dụng đất đai cũng như thống nhất về phân bố không gian là các giải pháp hoàn thiện hệ thống quy hoạch đất đai được đề cập trong học phần này.		
27	LAND 027	Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của chính sách đất đai	Cung cấp kiến thức phân tích, đánh giá tác động của chính sách nói chung và chính sách đất đai nói riêng đối với các nhóm đối tượng khác nhau nhằm lựa chọn giải pháp tối ưu thực hiện chính sách. Nội dung học phần tập trung vào đánh giá tác động của chính sách đất đai về các mặt kinh tế và xã hội đối với sử dụng đất đai thông qua giới thiệu quy trình, các bước, phương pháp và công cụ được sử dụng cho quá trình đánh giá tác động của chính sách. Học phần còn cung cấp các kiến thức về việc sử dụng kết quả đánh giá tác động của chính sách cho đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện chính sách đất đai có hiệu quả trong thời kỳ đổi mới kinh tế ở Việt Nam.	20/0/0	
28	LAND 028	Hệ thống quan trắc chất lượng đất đai	Học phần cung cấp các kiến thức về hệ thống quan trắc chất lượng đất đai gắn với mục đích quản lý sử dụng đất đai và bảo vệ môi trường, bao gồm các chỉ tiêu chất lượng đất cần quan trắc, mạng lưới và phương pháp quan trắc.	20/0/0	
29	LAND 029	Đất đai và hoạt động khoáng sản	Trình bày có hệ thống các kiến thức về mối quan hệ giữa quyền sử dụng đất đai và quyền khai thác khoáng sản, về hoạt động khai thác khoáng sản tác động đến sử dụng đất đai, các giải pháp bảo vệ môi trường đất đai trong và sau khi kết thúc khai thác khoáng sản.	20/0/0	
30	LAND 030	Đất đai và nông nghiệp hữu cơ	Trình bày có hệ thống các kiến thức về nông nghiệp hữu cơ, các mô hình phát triển nông nghiệp hữu cơ trong thực tế và ứng dụng công nghệ vi sinh trong việc cải tạo và sử dụng đất đai theo hướng nông nghiệp hữu cơ.	20/0/0	
Trong đó: Thực tập nghề nghiệp (8/24 TC)					
III Khối kiến thức tốt nghiệp (12 TC)					
31	LAND 031	Tham quan thực tế	Theo chủ đề tham quan thực tế.	0/0/0	
32	LAND 032	Hội thảo đề cương	Theo chủ đề nghiên cứu.	0/15/0	
33	LAND 033	Hội thảo kết quả	Theo chủ đề nghiên cứu.	0/15/0	
34	LAND 034	Luận văn Thạc sĩ	Theo chủ đề nghiên cứu.	0/135/0	

5.8. So sánh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Quản lý đất đai của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học khác cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như Học Viện Nông Nghiệp Hà Nội, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM, Trường Đại học Quản lý đất đai Liên bang Nga (GUZ).

Bảng 5.3: So sánh chương trình đào tạo

Mô tả	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường TP. HCM		Học viện Nông nghiệp Hà Nội		Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội		Trường ĐH Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh		Trường ĐH Quản lý đất đai Liên bang Nga	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Khối kiến thức chung	6	10	7	11,67	6	10	5	8,33	11	9,17
Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	42	70	41	68,33	45	75	48	80	100	83,33
- Bắt buộc	18	30	23	38,33	27	45	27	45	-	-
- Tự chọn	24	40	18	30	18	30	21	35	-	-
Khối kiến thức tốt nghiệp	12	20	12	20	9	15	7	11,67	9	7,5
Tổng cộng	60	100%	60	100%	60	100%	60	100%	120	100%

5.9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

1) Chương trình thạc sỹ ngành Quản lý đất đai được xây dựng trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo và nhu cầu nhân lực thực tế, bao gồm 60 tín chỉ.

2) Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

3) Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian trên cơ sở chương trình đào tạo và cây môn học, với sự hướng dẫn của cố vấn học tập, học viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

4) Thực tập, kiến tập: Trong khóa học học viên được tham quan thực tế các doanh nghiệp, trước khi làm tốt nghiệp học viên được đi thực tập thực tế tại các cơ quan đơn vị quản lý nhà nước; các trung tâm, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý đất đai.

5) Phương pháp dạy, học: Kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực, tăng

cường tính chủ động của học viên thông qua việc hướng dẫn học viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy và học.

6) Kiểm tra, thi: Tùy theo từng môn học, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các học viên do các giảng viên đánh giá, kết thúc môn học học viên sẽ được đánh giá thông qua một bài thi hết môn. Kết quả đánh giá là sự kết hợp của cả 2 hình thức: thi kết thúc môn và đánh giá quá trình của các giáo viên giảng dạy môn học.

7) Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8) Trường Khoa Quản lý đất đai chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Khoa Quản lý đất đai đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập, ...

9) Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật định kỳ theo quy định. Những thay đổi như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá... được xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

**VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NC&PTBV**

**TRƯỞNG PHÒNG
KTĐBCL&TTGD**

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thanh Hùng

Lê Trung Chơn

Lê Thị Phụng

Huỳnh Quyền